

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BẢN MẪU

TÀI LIỆU
GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG
Tỉnh NAM ĐỊNH

Lớp
12



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

VŨ ĐỨC THỌ (Chủ biên)

LÊ XUÂN QUANG – TRẦN VĂN TOÀN – VŨ THỊ BÍCH NGỌC – TRỊNH THỊ QUỲNH – ĐOÀN VĂN HIỆU
PHAN NGỌC HUYỀN – LÊ HIẾN CHƯƠNG – NGUYỄN THU HIỀN – ĐỖ VĂN THANH – BÙI THỊ NHIỆM
TRẦN THỊ THANH THỦY – NGUYỄN DUY PHƯƠNG – MAI THẾ NGỌC

BẢN MẪU

TÀI LIỆU
GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG
Tỉnh **NAM ĐỊNH**

Lớp

12

KÍ HIỆU DÙNG TRONG TÀI LIỆU



Yêu cầu cần đạt



Dẫn nhập/Khởi động



Câu hỏi



Kết nối



Em có biết?



Luyện tập, vận dụng

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH NAM ĐỊNH
LỚP 12

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH NAM ĐỊNH

MỤC LỤC

KÍ HIỆU DÙNG TRONG TÀI LIỆU	2
LỜI NÓI ĐẦU	4
CHỦ ĐỀ: DI SẢN VĂN HOÁ PHI VẬT THỂ VÀ ĐẶC SẢN NAM ĐỊNH	5
Bài 1. Di sản văn hoá phi vật thể Nam Định	6
Bài 2. Đặc sản Nam Định	14
CHỦ ĐỀ: MỘT SỐ TÁC GIẢ VĂN HỌC HIỆN ĐẠI NAM ĐỊNH TIÊU BIỂU (PHẦN 2)	20
Bài 1. Vũ Quần Phương	21
Bài 2. Nguyễn Đức Mậu	26
Bài 3. Bế Kiến Quốc	30
Bài 4. Phạm Công Trứ	33
Bài 5. Bình Nguyên Trang	36
CHỦ ĐỀ: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ MÔI TRƯỜNG, PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở TỈNH NAM ĐỊNH	40
Bài 1. Một số vấn đề môi trường ở tỉnh Nam Định	41
Bài 2. Thực hành thiết kế một sản phẩm tuyên truyền bảo vệ môi trường ở tỉnh Nam Định	48
Bài 3. Thiên tai và biến đổi khí hậu ở tỉnh Nam Định	49
CHỦ ĐỀ: XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN MỚI TỈNH NAM ĐỊNH	54
Bài 1. Quá trình xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nam Định	55
Bài 2. Những thành tựu đạt được từ quá trình xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nam Định	61
DANH MỤC TỪ TRA CỨU	70

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh thân mến!

Cuốn **Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Nam Định – Lớp 12** sẽ đồng hành cùng các em trong năm học này. Tài liệu được biên soạn với cấu trúc và nội dung hợp lý sẽ giúp các em khám phá và tìm hiểu về những danh nhân của tỉnh, về kinh tế trong thời kì đổi mới, các tác giả trung đại và hiện đại tiêu biểu, về một số mô hình khởi nghiệp của tỉnh thông qua các chủ đề như: *Di sản văn hoá phi vật thể và đặc sản Nam Định*, *Một số tác giả văn học hiện đại Nam Định tiêu biểu (Phần 2)*, *Xây dựng và phát triển nông thôn mới tỉnh Nam Định*, *Xây dựng và phát triển nông thôn mới tỉnh Nam Định*. **Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Nam Định – Lớp 12** cùng với các môn học khác trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 sẽ góp phần tạo điều kiện để các em phát triển năng lực, phẩm chất, tình yêu quê hương đất nước, ý thức tìm hiểu và vận dụng những điều đã học để góp phần giải quyết những vấn đề của địa phương.

Hi vọng rằng tài liệu sẽ mang đến cho các em nhiều điều bổ ích và thú vị về những nét đặc trưng của vùng đất Nam Định. Chúc các em có những giờ học tập thật vui vẻ và hiệu quả.

Các tác giả

CHỦ ĐỀ

DI SẢN VĂN HOÁ PHI VẬT THỂ VÀ ĐẶC SẢN NAM ĐỊNH

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Xác định được vị trí phân bố di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu trên bản đồ.
- Trình bày được những nét chính về các di sản văn hoá phi vật thể và đặc sản tiêu biểu của tỉnh Nam Định (Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, hát Châu văn,...).
- Nhận biết được các giá trị về lịch sử, văn hoá, du lịch và kinh tế cũng như tình hình thực tế của các di sản trong giai đoạn hiện nay để có ý thức bảo tồn, phát huy.
- Phân tích được mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá phi vật thể, từ đó nêu được một số giải pháp bảo tồn và phát huy di sản văn hoá phi vật thể ở địa phương.
- Vận dụng được kiến thức đã học để giới thiệu, quảng bá về nghệ thuật ẩm thực của quê hương với bạn bè trong nước và quốc tế, góp phần phát triển địa phương.
- Tự hào về những giá trị văn hoá lâu đời cũng như sự trù phú, tài hoa của đất và người Nam Định.



Các cung văn biểu diễn chào mừng Hội nghị – Hội thảo – Thực hành di sản kỷ niệm 20 năm Công ước Bảo vệ Di sản văn hoá phi vật thể của UNESCO (2003 – 2023) và đánh giá hiệu quả thực hiện Công ước đối với thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt.

BÀI 1

DI SẢN VĂN HOÁ PHI VẬT THỂ NAM ĐỊNH



Hình 1.1. Lễ đón Bằng ghi danh “Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt” là Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại, ngày 2-4-2017.

Tối ngày 2-4-2017, lễ đón Bằng ghi danh “Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt” là Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại đã được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch cùng Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định tổ chức long trọng tại Quần thể Di tích lịch sử – văn hoá Phủ Dầy – một trong những địa phương gắn liền với nhiều di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu ở Nam Định.



Vậy vùng đất Nam Định có những di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu nào? Giá trị của những di sản đó là gì?

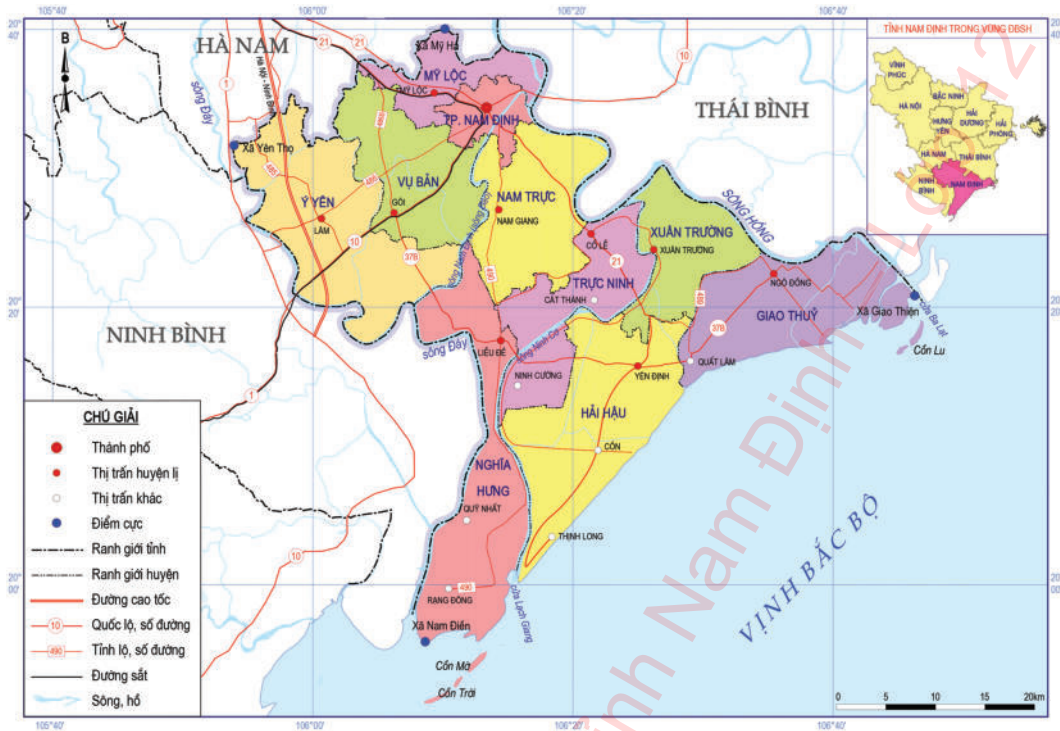
I Khái quát về di sản văn hoá phi vật thể ở Nam Định

Di sản văn hoá phi vật thể là sản phẩm tinh thần gắn với cộng đồng hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hoá liên quan, có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, thể hiện bản sắc của cộng đồng, không ngừng được tái tạo và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức khác.

Nam Định là địa phương có hệ thống di sản văn hoá vật thể và phi vật thể phong phú, đa dạng, gắn liền với lịch sử lâu đời, truyền thống lao động, sáng tạo của cư dân và sự giao lưu văn hoá giữa các cộng đồng đã và đang cùng chung sống tại địa phương.

Tính đến năm 2023, toàn tỉnh Nam Định có 11 di sản văn hoá phi vật thể được ghi vào Danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia, gồm: Hát ca trù, Nghi lễ Châu văn của người Việt, Lễ hội Phủ Dầy, Lễ hội Đền Trần, Lễ hội chùa Keo Hành Thiện, Lễ hội đền thờ đức Thánh tổ Tống Xá, Lễ hội chùa Đại Bi, Lễ hội đền – chùa Linh Quang, Nghề sơn mài Cát Đằng, Lễ hội Chùa Cổ Lễ, Lễ hội Thái bình xướng ca.

Nam Định cũng là địa bàn trung tâm của Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ ở Việt Nam, được UNESCO ghi danh vào danh sách Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại.



Hình 1.2. Bản đồ hành chính tỉnh Nam Định

Lễ hội truyền thống ở Nam Định mang đậm nét văn hoá của từng địa phương, trở thành sợi dây gắn kết giữa cá nhân với cộng đồng và quê hương.

Các di sản văn hoá phi vật thể trên địa bàn tỉnh Nam Định khá phong phú, đa dạng; gắn liền với lịch sử lâu đời và truyền thống lao động cần cù, sáng tạo của cộng đồng cư dân đã và đang cùng chung sống tại địa phương.



1. Quan sát bản đồ hành chính tỉnh Nam Định, em hãy xác định vị trí phân bố của một số di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu của Nam Định trên bản đồ. Sự phong phú, đa dạng về di sản văn hoá phi vật thể ở Nam Định gắn liền với những yếu tố nào?
2. Những di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu ở Nam Định gồm những loại hình gì?

II

Một số di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu ở Nam Định

1. Lễ hội Đền Trần

Lễ hội Đền Trần là lễ hội truyền thống từ lâu đời, diễn ra tại Khu di tích Đền Trần – chùa Phổ Minh trên địa bàn phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định và một số khu vực lân cận. Lễ hội được tổ chức để tưởng niệm nguồn gốc tổ tiên, các vị vua triều Trần và anh hùng dân tộc Quốc công Tiết chế Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn.

Chủ thể của lễ hội Đền Trần gồm cộng đồng cư dân làng Tức Mặc – nơi phát tích, bảo tồn lễ hội và các làng xã lân cận trong khu vực có di tích liên quan đến nhà Trần, với đại diện là các thủ từ, thủ nhang, những thành viên của Ban Quản lý di tích; những người thực hành nghi lễ và du khách.

Hằng năm, ở Đền Trần thường diễn ra hai kì lễ hội quy mô lớn, được tổ chức vào dịp đầu xuân (tháng Giêng) và mùa thu (tháng Tám).

Lễ hội xuân thường diễn ra trong 3 ngày (từ ngày 14 đến ngày 16 tháng Giêng), với các nghi lễ: rước kiệu, khai ấn, rước nước, tế cá,... Trong lễ hội xuân, lễ Khai ấn tổ chức vào giờ Tý đêm ngày 14 rạng sáng ngày 15 tháng Giêng, về sau này được mở rộng thành một nghi lễ riêng rất trọng thể.

Lễ Khai ấn là một tục lệ cổ truyền đã được nhân dân địa phương gìn giữ, duy trì qua nhiều thế hệ. Trước đây, vào các năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu, đúng ngày rằm tháng Giêng, lễ Khai ấn được tổ chức trước sân đền Thiên Trường với sự tham gia của bảy làng: Vọc, Lốc, Hậu Bồi, Bảo Lộc, Kênh, Bái, Túc Mặc.



Hình 1.3. Nghi lễ rước kiệu Ngọc Lộ, đưa bát hương thờ Phật hoàng Trần Nhân Tông từ chùa Phổ Minh sang đền Thiên Trường trong lễ hội Khai ấn Đền Trần, năm 2023.

Trong những năm gần đây, lễ Khai ấn Đền Trần tại Nam Định ngày càng được mở rộng, trở thành lễ hội lớn thu hút hàng chục vạn người đến tham dự. Công tác tổ chức cũng được chú trọng đổi mới theo hướng trang trọng, bảo đảm nghi thức truyền thống và an ninh trật tự. Việc chuẩn bị và phát ấn cũng được tổ chức chu đáo, quy mô, nền nếp, đáp ứng nhu cầu của đông đảo du khách.

Lễ hội thu ở Đền Trần trước đây được dân làng cử hành trọng thể trong 3 ngày (từ ngày 19 đến ngày 21 tháng Tám âm lịch) tại đền Cổ Trạch, để kỉ niệm ngày mất của Quốc công Tiết chế Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn – vị anh hùng dân tộc, được tôn vinh là Cứu Thiên Vũ Đế, là Đức Thánh Cha trong tín ngưỡng văn hoá dân gian Việt Nam.

Hiện nay, lễ hội thu kéo dài gần như trong cả tháng Tám âm lịch, nhưng các hoạt động chủ yếu diễn ra trong thời gian 10 ngày – từ ngày 10 đến ngày 20 tháng Tám âm lịch. Không gian lễ hội thu không chỉ trong phạm vi di tích Đền Trần – chùa Phổ Minh, mà còn lan toả sang khu vực các xã Mỹ Trung, Mỹ Phúc (huyện Mỹ Lộc); phường Lộc Hạ (thành phố Nam Định), nơi có các di tích thờ Đức Thánh Trần và các tướng lĩnh của nhà Trần.

Nghi lễ tổ chức trong lễ hội thu gồm: lễ rước; lễ dâng hương; lễ tế nam quan, nữ quan,... Trong thời gian diễn ra lễ hội, tại di tích thường tổ chức các trò chơi dân gian, các hoạt động văn hoá, văn nghệ như: múa rồng, lân, sư tử, múa rối nước, đấu vật, biểu diễn võ thuật truyền thống, chơi gà, thi đấu cờ người,...



Hình 1.4. Nghi lễ rước nước, tế cá trong lễ hội Đền Trần, năm 2024.

Từ năm 2012, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Nam Định phối hợp với Ủy ban Nhân dân thành phố Nam Định và Viện Văn hoá Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam xây dựng Đề án tổ chức lễ hội Đền Trần, đồng thời khôi phục lại nghi lễ rước nước, tế cá, rước kiệu Ngọc lộ.

Lễ hội Đền Trần phản ánh những dấu ấn lịch sử của đất nước và địa phương, đồng thời là một kho tàng di sản văn hoá phi vật thể phản ánh về phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tư duy, nhận thức về nhân sinh quan, thế giới quan của cộng đồng dân cư.

Với những hoạt động văn hoá, tâm linh mang tính tập thể, lễ hội Đền Trần còn đóng vai trò là “sợi dây” gắn kết cộng đồng, tạo dựng tinh thần đoàn kết, gắn bó của cư dân. Đây là giá trị nhân văn sâu sắc, giúp con người hướng tới những giá trị chân – thiện – mỹ.

Hệ thống di sản của lễ hội Đền Trần cùng hệ thống di tích, hiện vật gắn liền với lễ hội này còn góp phần quan trọng trong việc nghiên cứu đời sống văn hoá, xã hội truyền thống của làng quê Nam Định nói riêng và Việt Nam nói chung.



1. Giá trị về lịch sử, văn hoá, du lịch và kinh tế của lễ hội Đền Trần ở Nam Định là gì?
2. Theo em, cần làm gì để gìn giữ và phát huy giá trị di sản của lễ hội Đền Trần?

2. Thực hành nghi lễ thờ Mẫu Tam phủ

Ở Việt Nam, tục thờ nữ thần, mẫu thần đã có từ xa xưa. Từ khoảng thế kỉ XVI, tục thờ nữ thần, mẫu thần phát triển thành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ (Tam toà Thánh Mẫu).

Tam phủ được cho là tương ứng với ba miền trong vũ trụ, gồm: Thiên phủ (miền Trời) do Mẫu Thượng Thiên cai quản; Địa phủ (miền Đất) do Mẫu Địa Tiên cai quản; Thoải phủ (miền sông biển) do Mẫu Thoải cai quản. Ngoài ra còn có quan niệm tứ phủ, với phủ thứ tư là Nhạc phủ (miền rừng núi) do Mẫu Thượng Ngàn cai quản.

Hệ thống nghi lễ và lễ hội trong tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ rất đa dạng và có nhiều nét đặc sắc. Trong đó hai yếu tố thực hành cơ bản của tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ là nghi lễ lên đồng (hầu bóng) và lễ hội Phủ Dầy.

Quần thể di tích Phủ Dầy (thuộc xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định) được coi là trung tâm của tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ ở Việt Nam.



Hình 1.5. Lễ khai hội Phủ Dầy, năm 2023.

Theo truyền thống, lễ hội Phủ Dầy được tổ chức từ ngày 8 tháng Giêng đến hết tháng Ba âm lịch, với các nghi thức như lễ Nhập tịch (mở cửa đền, cửa phủ trong vùng), lễ Mộc dục (rước nước từ đền Giếng và giao cho bốn thanh nữ lau rửa tượng Mẫu), lễ Giỗ Mẫu (là ngày lễ chính),... Lễ vật trong lễ Giỗ Mẫu gồm bánh giầy, lợn, chuối tiêu và các loại hoa quả khác. Chủ tế là quan chức cấp cao trong triều đình hoặc là quan đầu trấn, đầu tỉnh.

Lễ hội Phủ Dầy còn gắn liền với nghi lễ lên đồng, hội Hoa trượng (người dân xếp các chữ như “Quốc thái dân an”, “Thiên hạ thái bình”,...), hội rước Mẫu đi thỉnh kinh ở chùa Dâu, chùa Gôi,... (xuất phát từ sự tích Mẫu Liễu Hạnh từng được Phật Bà Quan Âm cứu giúp).

Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ còn nhằm đáp ứng nhu cầu và khát vọng của đời sống thường nhật của con người như cầu sức khỏe, cầu bình an, cầu làm ăn phát đạt.

Hiện nay, thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ trên địa bàn Nam Định vẫn đang tiếp tục được duy trì và nhận được sự quan tâm của chính quyền địa phương, của đông đảo tín đồ, du khách. Tuy vậy ở một số nơi ít nhiều có biểu hiện lệch chuẩn, nặng về vật chất hoặc mượn danh di sản để trục lợi, ảnh hưởng đến tính thiêng của tín ngưỡng.



Nam Định cũng là một trong những địa phương có các trung tâm thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh tiêu biểu trên cả nước với những địa danh lưu giữ sự tích về sự giáng thế của Mẫu Liễu Hạnh như Phủ Dầy, Phủ Nấp và gần 400 địa điểm thờ cúng Thánh Mẫu.



Ngày 8-9-2013, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch có quyết định đưa vào danh mục Di sản văn hoá phi vật thể quốc gia đối với 5 di sản trên cả nước, trong đó có lễ hội Phủ Dầy tại Nam Định. Ngày 1-12-2016, di sản Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt đã được UNESCO ghi danh vào danh sách Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại.



Em hãy cho biết những giá trị về lịch sử, văn hoá, du lịch, kinh tế của thực hành nghi lễ thờ Mẫu Tam phủ và những việc cần làm để gìn giữ và phát huy giá trị di sản của thực hành nghi lễ thờ Mẫu Tam phủ?

3. Hát châu văn

Nam Định được coi là trung tâm của tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ ở Việt Nam, đồng thời cũng là cái nôi của hát châu văn – loại hình nghệ thuật gắn liền với tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ.

Hát châu văn là một loại dân ca nghi lễ, ra đời từ nghi thức tụng ca công đức của Thánh Mẫu (Liễu Hạnh) và Đức Thánh Cha (Trần Hưng Đạo), không gian diễn xướng gắn liền với nghi lễ lên đồng trong sinh hoạt tín ngưỡng dân gian thờ Mẫu Tam phủ tại các đền, phủ, miếu. Hát châu văn trong nghi lễ lên đồng còn được gọi là châu văn hầu đồng, châu văn hầu bóng. Bên cạnh đó, hát châu văn có thể diễn ra trong nghi lễ Thành hoàng làng, tổ dòng họ và trong các cuộc hát thi.

Hát châu văn thường được tổ chức nhiều nhất vào tháng Ba (thời gian diễn ra lễ hội Phủ Dầy) và tháng Tám (thời gian diễn ra lễ hội Đức Thánh Trần). Ở một số di tích khác như phủ Tiên Hương, phủ Vân Cát (huyện Vụ Bản); phủ Quảng Cung (huyện Ý Yên); đền Bảo Lộc (huyện Mỹ Lộc); đền Cổ Trạch (thành phố Nam Định),... hát châu văn diễn ra trong suốt cả năm.



Hình 1.6. Một tiết mục biểu diễn hát châu văn ở Nam Định.

Trong suốt quá trình lên đồng, tùy theo bối cảnh cụ thể và những hoạt động của Thánh như ngự đồng, ban truyền, phán bảo, múa kiếm, du ngoạn vui chơi, ban tài phát lộc,..., cung văn sẽ hát giá văn phù hợp, kết hợp cùng đàn, trống, phách,... Hầu hết các giá văn cổ của nghệ thuật hát châu văn được lưu truyền trong dân gian đều ở thể thơ lục bát, song thất lục bát.

So với những hình thức hát văn truyền thống khác, hát văn hầu đồng có một số điểm khác biệt như: mang tính liên văn, liên khúc nhiều lần điệu chứ không chỉ là một bản văn đơn

Trong nghi lễ lên đồng, nhân vật chủ đạo là “con đồng”, được coi là người trấn đại diện cho Thánh. Khi Thánh “nhập” vào con đồng thì người này trở thành Thánh để phán bảo người trần. Người thực hiện mối liên hệ giữa người trần và Thánh, thỉnh Thánh hạ xuống trần chính là cung văn – tức người hát châu văn.

“Người làm mối liên hệ, giới thiệu giữa người trần với Thánh và thỉnh Thánh về trần chính là cung văn. Trong suốt quá trình Thánh đồng giáng hạ thì người cung văn, bằng tiếng đàn, giọng hát của mình, sẽ giới thiệu lí lịch, tài thần thông biến hoá của chư vị Thánh. Cung văn cũng hát kể về Thánh xuống trần làm việc quan chấm đồng bắt lính, ban tài, phát lộc hay chèo đò du ngoạn, múa hát vui chơi,...”.

(Trần Hải Minh, “Các hình thức diễn xướng châu văn ở Nam Định”, Tạp chí Nghiên cứu văn hoá, số 8, tháng 6-2014, tr.73)

thuần; thường xuyên có sự thay đổi ca từ hoặc làn điệu để linh hoạt ứng biến theo bối cảnh cụ thể của giá đồng; là hình thức diễn xướng mang tính tổng hợp cao nhất, khi có sự kết hợp của ca hát và âm nhạc, nghệ thuật múa, nghệ thuật sân khấu,...

“Điểm độc đáo của nghệ thuật hát chầu văn ở Nam Định là sự đa dạng về hình thức biểu hiện như hát thờ, hát cửa đền, hát hầu đồng, hát thi,... Hát chầu văn ở Nam Định còn nổi tiếng với các làn điệu độc đáo như điệu cờn, điệu xá, điệu chèo đờ,... mang đậm chất trữ tình”. Từ thập niên 60 của thế kỉ XX đến nay, ở Nam Định đã xuất hiện thêm hình thức hát chầu văn lên đồng được sân khấu hoá, phục dựng, biểu diễn trên sân khấu.

Nghệ thuật hát chầu văn ở Nam Định mang dấu ấn lịch sử, ghi lại sự tích và ca ngợi công đức của những nhân vật lịch sử có công với dân, với nước. Hát chầu văn tích hợp các hình thức văn hoá dân gian khác nhau như: âm nhạc, ngôn ngữ, tri thức dân gian, ca hát, nhảy múa, trang phục, nghệ thuật trang trí,... đồng thời thể hiện những nét đặc sắc của các cộng đồng dân tộc.

Nghệ thuật hát chầu văn ở Nam Định phản ánh tư duy, nhận thức về tự nhiên, xã hội của cộng đồng, đồng thời bảo tồn các giá trị truyền thống như “uống nước nhớ nguồn”, được cộng đồng tái tạo, tích hợp các giá trị mới để thích ứng với điều kiện cuộc sống hiện đại. Bên cạnh đó, hát chầu văn ở Nam Định còn là nơi tiếp thu ảnh hưởng lưu giữ những yếu tố của dân ca Bắc Bộ như làn điệu cò lả, trống quân, ca trù, chèo, hát xẩm,... và các loại hình nhạc cụ truyền thống.

Hiện nay, hát chầu văn ngày càng được tổ chức chuyên nghiệp với nhiều phương tiện, trang bị hiện đại về âm thanh, ánh sáng. Tuy vậy ở một số nơi có hiện tượng “thêm văn”, “nói văn” khá tùy tiện, hoặc trang phục, điệu bộ có sự cách tân, phá cách không thực sự phù hợp.



Một trong những người mở đầu cho việc đưa hát văn lên sân khấu cũng như biểu diễn như những tác phẩm nghệ thuật độc lập ở tỉnh Nam Định là Nghệ sĩ Nhân dân Kim Liên (huyện Nam Trực) – người đã trực tiếp đưa nghệ thuật hát chầu văn đến phục vụ Hội nghị Pa-ri tại Pháp năm 1969, Nghệ sĩ Ưu tú Thế Tuyền (huyện Xuân Trường) – diễn viên Nhà hát Chèo Nam Định, một giọng hát văn được đông đảo quần chúng mến mộ, yêu thích từ những thập kỉ cuối của thế kỉ XX.



Trên địa bàn tỉnh Nam Định có hàng trăm di tích gắn liền với tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, thờ Đức Thánh Trần và liên quan đến nghi lễ chầu văn. Trong đó quần thể di tích Phủ Dầy vừa là trung tâm của tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ đồng thời cũng là nơi thường xuyên diễn ra hoạt động nghi lễ chầu văn tiêu biểu ở Nam Định. Ngày 27-12-2012, tại Quyết định số 5079/QĐ-BVHTTDL, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã công bố nghi lễ chầu văn của người Việt ở Nam Định và Hà Nam thuộc Danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia.



Hát chầu văn có những giá trị gì về lịch sử, văn hoá, du lịch? Theo em, cần làm gì để gìn giữ và phát huy giá trị di sản của hát chầu văn?



LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

1. Lập bảng thống kê những di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu ở Nam Định theo các nội dung: thứ tự, tên di sản, loại hình, địa phương, giá trị.
2. Hãy chọn đúng (Đ) hoặc sai (S) cho mỗi ý a, b, c, d trong các câu dưới đây:
 - a. Hằng năm, lễ hội Đền Trần Nam Định thường chỉ diễn ra duy nhất một lần vào dịp đầu xuân (tháng Giêng).
 - b. Lễ Khai ấn truyền thống ở Đền Trần Nam Định trước đây thường được tổ chức vào đúng ngày rằm tháng Giêng các năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu.
 - c. Năm 2016, “Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt” đã được UNESCO ghi danh vào danh sách Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại.
 - d. Năm 2012, nghi lễ châu văn của người Việt ở Nam Định và Thái Bình đã được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia.
3. Nêu những biện pháp tổng thể cần thực hiện để bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá phi vật thể ở Nam Định.

BÀI 2

ĐẶC SẢN NAM ĐỊNH



Hình 2.1. Một nhà hàng phở tại Xơ-un (Hàn Quốc).

Được coi là đặc sản xuất hiện đầu tiên ở Nam Định vào đầu thế kỉ XX, phở từng bước trở thành món ăn phổ biến, được ưa thích bậc nhất ở Việt Nam, rồi xuất hiện tại các thành phố lớn ở Mỹ, Ca-na-đa, Pháp, Đức, Hàn Quốc, Ô-xtrây-li-a,... Quá trình phổ biến của món phở ra thế giới cũng được coi là một trong những biểu hiện cụ thể của quá trình toàn cầu hoá.



Vậy trên địa bàn Nam Định còn có những đặc sản nào? Những đặc sản đó có đặc điểm gì nổi bật?

I Khái quát về đặc sản Nam Định

Nam Định là vùng đất có nhiều đặc sản nổi tiếng, trong đó có những đặc sản được biết đến rộng khắp cả khu vực đồng bằng Bắc Bộ cũng như trên phạm vi cả nước.

Nhiều đặc sản ẩm thực mang nét văn hoá đặc trưng của đất và người Nam Định như phở, bún đỗ, nem nắm Giao Thủy; kẹo Sìu Châu; bánh cuốn làng Kênh; gạo tám Hải Hậu; nước mắm Sa Châu; cá nướng ướp chấu Trục Ninh; cá chạch kho Nghĩa Hưng...

Có nhiều yếu tố dẫn đến sự phong phú về đặc sản của Nam Định: vị trí địa lí thuận lợi, nông nghiệp trù phú, thương mại và thủ công nghiệp phát triển, đặc biệt là sự hội tụ và giao thoa văn hoá của những cộng đồng cư dân đến từ nhiều nơi.

Phần lớn đặc sản ở Nam Định là những món ăn bình dân, gần gũi trong đời sống hằng ngày, có thể gọi là những “thức quà”, gồm phở, bún, bánh, nem, kẹo,... Tiêu biểu



Sách *Đại Nam nhất thống chí* được biên soạn vào thế kỉ XIX có đề cập đến một số thổ sản nổi bật của Nam Định như: vải trắng, chiếu, củ đậu, nhãn, cam, vải, mắm tôm, mắm rươi,...

như: phở bò, bún dưa, bún chả, bánh cuốn, bánh gai, bánh nhãn, bánh đậu xanh, bánh xiu páo, bánh gối, nem nậm, kẹo dồi, kẹo lạc, cá nướng úp chậu, xôi xiu,...

Nhiều đặc sản Nam Định là sản phẩm có nguồn gốc từ quá trình giao lưu văn hoá giữa người Hoa và cộng đồng cư dân địa phương, thường có chất lượng vượt trội hoặc có hương vị đặc trưng so với sản phẩm cùng loại ở những địa phương khác. Một số sản phẩm chỉ mới xuất hiện từ khoảng nửa sau thế kỉ XIX và nhanh chóng được ưa chuộng ở nhiều nơi. Trong số đó phở bò, nem nậm, kẹo lạc là những đặc sản tiêu biểu và nổi tiếng trên cả nước.



1. Vì sao có thể khẳng định Nam Định là địa phương có nhiều đặc sản nổi tiếng?
2. Những đặc sản ở Nam Định nhìn chung có đặc điểm gì?

II Một số đặc sản tiêu biểu ở Nam Định

1. Phở bò

Ở Việt Nam, một trong những tác phẩm đầu tiên đề cập đến từ “phở” là từ điển Hán – Việt *Nhật dụng thường đàm* của Phạm Đình Hổ, biên soạn năm 1827. Tuy nhiên, món phở với hình thức và mùi vị như hiện tại được cho là xuất hiện vào khoảng đầu thế kỉ XX. Nam Định và tiếp đó là Hà Nội được cho là quê hương của món phở hiện nay.

Theo một số tài liệu và kí ức của nhiều người, món phở bắt đầu xuất hiện vào năm 1898, khi người Pháp khởi công xây dựng Nhà máy dệt Nam Định. Để phục vụ nhu cầu ăn uống của những người quản lí nhà máy và công nhân, một số cư dân địa phương đã cải tiến món canh “xáo” nấu với bánh phở, cùng hành lá, rau thơm và các gia vị khác. Sau đó, xuất phát từ sở thích của người Pháp, món này được cho thêm thịt bò, nước dùng cũng được hầm từ xương bò. Món phở với nước dùng đậm vị xuất hiện từ đó, truyền lên Hà Nội rồi từng bước phổ biến khắp cả nước, trở thành món ăn quen thuộc và được ưa chuộng bậc nhất của người Việt Nam.

Trên địa bàn Nam Định, nhiều người cho rằng phở được làm ra sớm nhất từ làng Vân Cù (xã Đồng Sơn, huyện Nam Trực). Dòng họ Cồ ở đây đã góp phần mang món phở đi khắp nơi trong cả nước, tạo nên thương hiệu “phở Cồ” nổi tiếng. Bên cạnh đó, một số nhà hàng phở lâu đời ở Nam Định có nguồn gốc hoặc liên quan đến truyền thống ẩm thực và kinh doanh của người Hoa sinh sống ở thành phố Nam Định trước đây. Hiện tại, Nam Định vẫn có nhiều quán phở bò nổi tiếng với các món phở tái, phở chín, phở bò áp chảo, phở bò sốt vang,... Mỗi quán lại có những nét đặc trưng về cách chế biến và hương vị.



Hình 2.2. Các đại biểu cắt băng khai mạc Festival Phở 2024.



Năm 2024, Festival Phở lần đầu tiên được tổ chức tại Nam Định, nhằm nâng tầm vị thế phở trở thành một thương hiệu, từ đó tôn vinh văn hoá ẩm thực phở là Di sản văn hoá phi vật thể quốc gia; hướng tới đề nghị cấp thẩm quyền cho phép xây dựng Hồ sơ trình UNESCO ghi danh trong danh sách Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại.

“... Khi nếm thử, nước phở [Nam Định] ngọt thanh, vị đơn giản, có phần nhạt hơn so với phở bò Hà Nội,... Sợi phở Nam Định cũng giống sợi phở thông thường nhưng mỏng, mềm và dẻo hơn, quện với nước dùng mịn và ngọt, cảm giác dễ nuốt. Thịt bò mềm, ngọt mà không bị dai do nấu chín quá hay bị bỏ do thịt sống để lâu, không còn tươi. Xét tổng thể, lượng thịt bò trong một bát phở nhiều tương đương với bánh phở, phù hợp với giá tiền”.

(Quỳnh Mai, “Quán phở bò gia truyền ba đời ở Nam Định”, Báo VnExpress, 2023, truy cập ngày 11-4-2024)

Từ quê hương Nam Định, đến cuối thế kỉ XX, phở đã trở thành món ăn nổi tiếng nhất của Việt Nam trong con mắt của bạn bè quốc tế, được coi là biểu tượng ẩm thực nổi tiếng nhất của Việt Nam. Phở cũng được coi là một trong những món ăn nóng dạng nước ngon nhất trên thế giới. Phở còn xuất hiện trong từ điển nổi tiếng Oxford, được ghi nhận là danh từ riêng.



Hình 2.3. Hình ảnh phở Việt trên trang chủ tìm kiếm của Google.



Từ những thập kỉ cuối thế kỉ XX và đầu thế kỉ XXI, nhiều nhà hàng phở đã xuất hiện tại các thành phố lớn ở Mỹ, Ca-na-đa, Pháp, Đức, Hàn Quốc, Ô-xtrây-li-a,... Phở được coi là “đại sứ ẩm thực” số 1 của Việt Nam. Quá trình phổ biến của món phở Việt Nam ra thế giới cũng được coi là một trong những biểu hiện cụ thể của quá trình toàn cầu hoá. Ngày 12-12-2021, Google đã đưa hình ảnh của món phở Việt Nam lên trang chủ tìm kiếm của hãng tại gần 20 quốc gia trên thế giới.



1. Món phở ở Việt Nam hiện nay có quá trình hình thành và phổ biến như thế nào?
2. Vì sao khẳng định quá trình phổ biến của món phở Việt Nam ra thế giới cũng được coi là một trong những biểu hiện cụ thể của quá trình toàn cầu hoá?

2. Nem nắm

Nem Phùng Hà Nội, nem Bùi Bắc Ninh và nem nắm Nam Định là ba loại nem thính được biết đến nhiều nhất ở miền Bắc Việt Nam. Trên địa bàn Nam Định, loại nem nắm nổi tiếng nhất là ở huyện Giao Thủy và huyện Xuân Trường, thường được biết đến là nem nắm Giao Thủy.

Nem nắm Giao Thủy có nguyên liệu chính là bì, nạc và mỡ lợn, thính gạo. Nem được bóp thành hình tròn và để lên men trong vài ngày. Sợi bì và thịt của nem nắm được cắt to nhưng mỏng hơn các loại nem khác. Chính vì vậy, nem nắm Giao Thủy ở Nam Định là loại nem có hình dáng và hương vị đặc trưng, dễ nhận biết.

Quá trình làm nem nắm Giao Thủy gắn liền với những yêu cầu cụ thể. Thịt lợn để chế biến là thịt lợn mông ngon của con lợn khoẻ mạnh, không nuôi bằng cám tăng trọng. Ngay sau khi mổ, miếng thịt còn nóng hổi được chế biến ngay, không được đặt xuống đất hay rửa bằng nước lạnh. Phần bì lợn luộc vừa chín tới để nguội, dùng dao thái mỏng. Thính được làm từ gạo tám thơm, trộn đều với bì lợn và thịt lợn đã sơ chế cùng nước mắm, tỏi, vừa trộn vừa bóp kĩ. Sau đó nem được nắm chặt lại và gói với lá sung, lá đinh lăng và bọc ngoài bằng lá dong.



Hình 2.4. Nem nắm Giao Thủy.



Năm 2022, Tổ chức Kỷ lục Việt Nam đã công nhận các món ăn “Nem nắm Giao Thủy” và “Bánh cuốn làng Kênh” ở tỉnh Nam Định được chọn vào top 100 món ăn đặc sản Việt Nam (2021 – 2022); công nhận các đặc sản “Nước mắm Sa Châu” và “Gạo tám xoan Hải Hậu” của tỉnh Nam Định được chọn vào top 100 đặc sản quà tặng Việt Nam (2021 – 2022).



Theo truyền thống ở Nam Định, nem nắm Giao Thủy thường được ăn kèm với lá sung hoặc lá đinh lăng, chấm kèm nước mắm nguyên chất Sa Châu được chưng cất theo phương pháp truyền thống của người dân địa phương. Hương vị đậm đà của nước mắm, bì của thính, ngọt của thịt, cay của tỏi hoà quyện với nhau tạo sự ngon miệng của món ăn này. Tuy vậy, hiện nay nước chấm phổ biến để ăn cùng nem nắm là nước mắm pha loãng cùng tỏi, ớt...



Món nem nắm Giao Thủy ở Nam Định có đặc điểm gì khác biệt so với những món nem khác ở Việt Nam?

3. Kẹo Sầu Châu

Ở Việt Nam, món kẹo lạc có ở nhiều địa phương, nhưng loại kẹo lạc được đánh giá là lâu đời nhất và được chế biến công phu nhất là kẹo Sầu Châu ở Nam Định.

Tên gọi kẹo Sầu Châu được một số người cho là xuất phát từ việc sản phẩm này có nguồn gốc từ những người Hoa đến Nam Định đến từ Triều Châu (Trung Quốc). Nhiều người lại cho rằng đặc sản này có nguồn gốc bản địa, xuất hiện vào khoảng nửa sau thế kỉ XIX, gắn liền với một hiệu kẹo lạc nổi tiếng ở trước đền Triều Châu gần bến Ngự bên sông Vị Hoàng. Tên gọi kẹo Triều Châu sau này đọc chệch đi thành kẹo Sầu Châu hoặc kẹo Sầu.

Nhà thơ Nguyễn Khuyến khi về ở ẩn nơi quê nhà, có lần nhận được một cân kẹo Sầu Châu do học trò cũ là Án sát Trần Tấn Bình gửi biếu. Khi ấy đôi mắt nhà thơ đã bị loà, thưởng thức hương vị đậm đà của món quà quý giá, cụ Tam nguyên Yên Đổ đã ứng khẩu thành thơ:

*Nguyên phùng tả hữu lai vô tận,
Hương dẫn Chi Lan nhập tức văn.*

(Đại ý: Ăn kẹo Sầu Châu thì cảm nhận được hương thơm vương giả như hoa lan. Ăn vào nhận ra ngay vị thơm ngon, đặc sản của vùng quê Nam Định)

Thời kháng chiến chống Mỹ, ở chiến trường B [tức miền Nam] có câu ca dao được các chiến sĩ truyền miệng cho nhau để mà vui, để mà cười:

*Trèo lên trái núi Thiên Thai,
Thấy hai con cọp đang nhai kẹo Sầu.*

(Thành Nam, “Thương nhớ kẹo Sầu Châu”, Báo Nhân dân điện tử, 2013, truy cập ngày 11-4-2024)

Kẹo lạc Sầu Châu ở Nam Định có nguyên liệu chủ yếu là lạc, vừng chọn kĩ, nấu trên chảo đồng với mạch nha làm từ mọng mại lúa chiêm và đường mía, bọc bằng bột nếp. Mỗi thanh kẹo được bao bọc trong vỏ bột nếp hương, vừa có tác dụng chống ẩm, vừa ủ cho kẹo lên hương. Kẹo ra lò có sắc nâu hồng và trong như hổ phách, ăn giòn, thơm, có vị bùi của lạc hoà quyện với sự ngọt ngào của mạch nha trộn đường.



Hình 2.5. Kẹo Sầu Châu.

Ngày nay, kẹo Sầu Châu không chỉ là món ăn quen thuộc của người Nam Định mà còn là đặc sản nổi tiếng được nhiều khách hàng mua để biếu, tặng người khác vào dịp lễ tết. Năm 2021, kẹo Sầu Châu là một trong ba đặc sản của Nam Định (cùng với bún dưa, phở bò) được Tổ chức Kỷ lục Việt Nam vinh danh trong danh sách 100 món ăn và đặc sản của 63 tỉnh, thành.



Hình 2.6. Nghệ nhân Đố Đình Thọ.

Nghệ nhân Đố Đình Thọ, người gìn giữ, phát triển nghề gia truyền kẹo Sầu Châu của dòng họ Đố ở Nam Định đã được Nhà nước vinh danh “Nghệ nhân tiêu biểu của làng nghề Việt Nam”. Ông cũng được UNESCO ghi nhận là “Báu vật nhân văn sống” (Living Human Treasures).



Món kẹo Sầu Châu ở Nam Định có những đặc điểm gì nổi bật?



LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

1. Lập bảng thống kê những đặc sản tiêu biểu ở Nam Định theo các nội dung: thứ tự, tên đặc sản, địa phương, đặc điểm nổi bật.
2. Dựa vào đoạn thông tin trong bài viết của Quỳnh Mai, “Quán phở bò gia truyền ba đời ở Nam Định” (tr.16) trong bài học, hãy chọn đúng (Đ) hoặc sai (S) cho mỗi ý a, b, c, d dưới đây:
 - a. Nước dùng của món phở bò Nam Định thường trong hơn nước dùng của món phở bò Hà Nội.
 - b. Nước của món phở bò Nam Định thường có vị ngọt thanh, nhạt hơn so với nước của món phở bò Hà Nội.
 - c. Sợi phở của món phở bò Nam Định cũng giống sợi phở thông thường nhưng mỏng, mềm và dẻo hơn.
 - d. Thịt bò trong bát phở Nam Định thường mềm, ngọt mà không bị dai do nấu chín quá hoặc bị bỏ do thịt sống để lâu.
3. Hãy viết một bài ngắn (khoảng 1 000 từ) để giới thiệu, quảng bá về một đặc sản của quê hương em với bạn bè trong nước và quốc tế.

CHỦ ĐỀ

MỘT SỐ TÁC GIẢ VĂN HỌC HIỆN ĐẠI NAM ĐỊNH TIÊU BIỂU (Phần 2)

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nhận biết được tiểu sử, sự nghiệp, thành tựu của một số tác giả văn học hiện đại Nam Định tiêu biểu.
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm, giá trị nội dung, nghệ thuật một số tác phẩm của tác giả văn học hiện đại Nam Định tiêu biểu.
- Vận dụng được những hiểu biết về văn học hiện đại để đọc hiểu và viết về văn học hiện đại Nam Định.
- Biết trân trọng, tự hào về di sản văn học hiện đại Nam Định.

Hồ Truyền Thống – thành phố Nam Định

BÀI 1

VŨ QUẦN PHƯƠNG

1 Tác giả

Vũ Quần Phương sinh năm 1940; tên thật là: Vũ Ngọc Chúc; các bút danh khác Ngọc Vũ, Phương Viết.

Theo Vũ Quần Phương, tổng Quần Phương (cũ) nay là huyện Hải Hậu, Nam Định là quê của bố ông. Do chiến tranh, gia đình ông sơ tán ít có điều kiện trở lại quê. Để khỏi mất gốc, ông lấy địa danh này làm bút danh của mình.

Vũ Quần Phương nổi danh với những bài thơ được xếp hạng trong 100 bài thơ hay thế kỉ XX như: *Đợi, Áo đỏ, Chiều, Trước biển*,... Thơ ông mang những suy tư chiêm nghiệm về con người, về thế sự; cách nói bằng tứ, kiệm lời; ngôn từ bình dị; giọng điệu trầm tĩnh. Ngoài làm thơ, dịch thơ, ông còn viết phê bình văn học với những bài đặc sắc như: *Bản sắc Thiền Việt Nam trong thơ Thiền Lí Trần, Thế Lữ người khai sáng phong trào Thơ mới, Tạng tâm hồn Quang Dũng*,... Vũ Quần Phương được đánh giá là nhà phê bình thơ có tài “điểm huyệt”; giọng thủ thỉ, tâm tình kết hợp lối viết có duyên, hóm hỉnh. Ông có hàng nghìn buổi nói chuyện thơ trước đông người hoặc trên các phương tiện truyền thông đại chúng, được bình chọn là một trong những nhà bình luận thơ đương đại xuất sắc nhất hiện nay.

Tác phẩm của Vũ Quần Phương được tuyển trong: *Tuyển tập thơ* (2012), *Bóng mát dọc đường xa – Phê bình và tiểu luận* (2014).

Ông được nhận giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2007.



Nhà thơ – nhà phê bình
Vũ Quần Phương



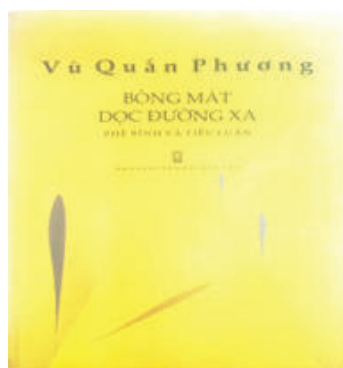
Qua việc tra cứu mạng internet và qua sách, báo, em hãy sưu tầm một số bài thơ, bài phê bình của Vũ Quần Phương; ghi lại tên một vài tác phẩm và những câu thơ, câu văn mà em tâm đắc.



“Thơ ca là nghệ thuật cần sự giảng giải. Vì thế, bên cạnh nhà thơ, còn có người bình thơ. Không phải chỉ có người bình thơ tôn vinh thơ. Chính thơ cũng tôn vinh người bình ở những phát hiện mới mẻ. Đây là hai tấm gương cùng soi vào nhau, và cả hai cùng sáng lấp lánh. Và như thế, người bình thơ đâu phải kẻ “theo đám ăn tàn”, cũng không phải “cây tầm gửi”. Họ có thể tồn tại độc lập và sang trọng.”

“Tôi nghĩ nhà phê bình nghiên cứu chân chính bao giờ cũng phải là một nhà khoa học. Và đã là nhà khoa học thì phải có những phát minh. Nghĩa là anh phải tìm ra được những cái mới, mà trước anh không có.

(Trần Đăng Khoa)



2 Tri thức đọc hiểu

Phê bình tác giả là thể tài văn học hướng tới việc khắc hoạ gương mặt, “chân dung tinh thần” của các nhà văn nhằm khẳng định tài năng, đóng góp của họ. Vì vậy, người viết phải nắm được cái “thần” của văn nghiệp nhà văn; tìm được chỗ thống nhất giữa văn và người ở mỗi cây bút; phân tích, đánh giá được vai trò, vị trí và đóng góp của họ cho đời sống văn chương. Muốn thành công ở thể tài này, người phê bình cần nắm vững cuộc đời, tiểu sử nhà văn; thấu hiểu, đồng cảm sâu sắc với họ trong đời và trong văn; trung thực, công tâm và dũng cảm trong đánh giá.

Phê bình tác giả có sự kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa yếu tố kí, yếu tố phê bình và sáng tác văn chương. Văn phong chủ yếu là bàn bạc, phân tích, tổng hợp mang tính chất logic.

Ở thể tài này cái “tôi” người phê bình hiện lên rõ nét thông qua tư tưởng, quan điểm, cách nhìn, cách đánh giá và văn phong của họ.

Một số nhà văn tiêu biểu thành công ở thể tài phê bình tác giả như: Nguyễn Đăng Mạnh với *Nhà văn tư tưởng và phong cách*, *Nhà văn Việt Nam hiện đại, chân dung và phong cách*; Phong Lê với *Một số gương mặt văn chương – học thuật Việt Nam hiện đại, Văn chuyện văn và người*; Hà Minh Đức với *Tài năng và danh phận*; Đỗ Lai Thúy với *Vẩy vào vô tận...*

3 Văn bản Đoàn Văn Cừ người lưu giữ hồn quê

“... Thuở ấy, giữa lúc chín rộ của phong trào Thơ mới, thi đàn tràn ngập thơ lãng mạn tình ái thị thành, Đoàn Văn Cừ chủ trương một lối thơ hiện thực và chuyên về đề tài nông thôn. Quanh đề tài này còn quần tụ Nguyễn Bính, Bằng Bá Lân, và sau một chút là Anh Thơ.

Nông thôn trong thơ Nguyễn Bính là nông thôn của cõi mộng với những mối tình trai gái e lệ đẹp như mơ. Nông thôn của Đoàn Văn Cừ là nông thôn của đời thực với chuyện gặt hái lam làm, ma chay, cưới xin, chợ búa, rồi cháy nhà, bắt cướp, với những ông lái, ông đội, bác bán thuốc ê, cả những đàn trâu, đàn vịt... Bút pháp tả thực của Đoàn Văn Cừ kết hợp được cả quan sát lẫn tưởng tượng. Quan sát tinh tế, sắc sảo, lại hóm hỉnh. Ông rất mạnh về cảm quan thị giác, rất thích màu sắc, ở bài *Chợ Tết* đếm được hai mươi ba màu.(...)

Thơ ông dày đặc chi tiết, cụ thể, chính xác như phóng sự báo chí, nhưng đọc không thấy rậm vì những quan sát ấy đầy phát hiện. Có những cảnh ai cũng thấy, cũng quen, nhưng dưới bút ông nó mới mẻ như lần đầu người ta được thấy. Ông tả phiên chợ Tết có đủ cảnh đi chợ, họp chợ và văn chợ. Cảnh nào cũng có những nét bất ngờ thú vị. Cho nên kể việc mà không khô khan, cảnh quen mà gây sững sốt. Tả chợ đang đông rất dễ rậm lời. Vậy mà chỉ với hai mươi ba câu thơ ông tả được không những cái đông đúc, ồn ào, nhộn nhạo thượng vàng hạ cám, lại cho thấy rõ hình ảnh từng loại người, từng loại tâm lý tính cách, đến cả phong tục tập quán, lối sống của một thời.

Thơ Đoàn Văn Cừ có thể góp vào việc nghiên cứu nông thôn với tư cách là những tư liệu tin cậy. Những tư liệu được nhìn với con mắt thơ. Con mắt biết tìm ra cái ý vị của đời. Đây cụ lý, ông to nhất làng, đi chợ:

Áo cụ lý bị người chen sấn kéo

Chợ mà, nó có chừa ai, lên đến chức cụ lý rồi nó vẫn không tha. Nó chơi cụ bằng ba cái động từ rất chợ búa chen, sấn, kéo đến nỗi cái thứ nghiêm chỉnh nhất trên đầu cụ là cái khăn cũng không yên:

Khăn trên đầu đang chút cũng tung ra.

Chỉ là tả thực mà đã có sức lôi cuốn, đã tạo được chất thơ, đấy là tài quan sát của Đoàn Văn Cừ. Cao hơn nữa, ông đưa tưởng tượng vào trong quan sát:

Con trâu đứng vờ dim hai mắt ngủ,

Để lắng nghe người khách nói bô bô

Trâu dim mắt, người bô bô nói là tả thật, là quan sát tinh. Nhưng nối được hai quan sát ấy vào với nhau lại là tưởng tượng của Đoàn Văn Cừ: Trâu dim mắt vờ ngủ để lắng nghe người bộc lộ chân tướng. Thế là trâu thành bậc hiền triết ngầm nghĩ về sự tham tiền của cái thằng người nông cạn, nói bô bô.

Tưởng tượng trong thơ Đoàn Văn Cừ chính là phút thăng hoa của quan sát, từ quan sát mà thành. Đang tả thực những người mua người bán nét nọ tiếp nét kia, bút pháp nhả nhả như người đi bộ đường trường bỗng nhiên ông cất cánh:

Bà cụ lão bán hàng bên miếu cổ

Nước thời gian gội tóc trắng phau phau

Vẫn là tả nhưng đã có cái nhìn ảo về một việc thực. Người đọc được tiếp nhận một triết lý về năm tháng đời người rất trực giác. Ai bây giờ đang chủ trương “khó hiểu” mới là thơ thì nên ngầm nghĩ về câu thơ dễ hiểu và không dễ làm này của Đoàn Văn Cừ mà luận ra ưu thế bút pháp cho tư duy hiện đại.

(...)

Nghe ông Cừ trò chuyện, tôi lại ngạc nhiên về sự thật thà đến ngây thơ của ông. Sau này nghe Tô Hà kể về cách ứng xử luôn luôn đôn hậu, kính cẩn của ông đối với bất cứ ai,



Em hãy sử dụng mạng in-ter-net và tra cứu sách, báo để sưu tầm những bài viết về cuộc đời, về thơ Đoàn Văn Cừ; ghi lại nhan đề, tác giả và một số câu/ đoạn em tâm đắc.



Vũ Quần Phương đã kỳ công chất lọc, lựa chọn, giới thiệu hơn trăm thi sĩ, tính từ cụ Nguyễn Trãi cho đến những tác giả đương đại. Tài năng thẩm định đặc biệt về thơ ca của Vũ Quần Phương là ở chỗ: có khi chỉ vài trăm chữ, lại đi vào một tác phẩm cụ thể mà vẫn điểm huyệt, dung được thần thái, hồn vía đời thơ của cả một tác giả.

thì tôi nhận ra tính nghiêm cẩn rất “kẻ sĩ” của ông đối với việc, với người và với chính bản thân ông. Ông tự hào với những gì mình đạt được nhưng ông cũng rất khiêm nhường. Cả tự hào lẫn khiêm nhường đều hồn nhiên, chân thật, rất cảm động. (...) Với thơ, ông cũng luôn thành kính, trân trọng, rụt rè như thuở ban đầu cầm bút. Đó là một ưu điểm, một sự trọng nghề nhưng cũng có phần gây trở ngại cho sự thể nghiệm, cho những đổi thay thi pháp.

Tặng cảm xúc Đoàn Văn Cừ rất mạnh tình cảm công dân. Ở chặng sáng tác trước tình cảm ấy không nói ra thành văn mà bàng bạc trong cảm xúc. Ở chặng sau ông biểu lộ rõ bằng câu chữ. Lập trường công dân, nhiệt tình công dân được xác định nhưng có lẽ vì thế mà sức mê hoặc của câu thơ lại vơi đi.

(...)

Bà Huyện Thanh Quan sống mãi với hậu thế chỉ bằng sáu bài thơ mà hai bài còn trong diện tồn nghi. Một nhà thơ đồng tuế, đồng thời với Đoàn Văn Cừ là Vũ Đình Liên vẫn đồng hành với hậu sinh chỉ bằng một bài Ông đồ. Đoàn Văn Cừ có cả một tập. Hơn thế, những gì ông lưu giữ và trao lại cho chúng ta lại thuộc về những thứ gia bảo ngày càng quý hiếm. Nó là hoài niệm của nhiều thế hệ bạn đọc, càng xa càng nhớ. Thơ ông đã là bảo tàng tâm hồn của mọi người Việt nặng lòng hồi cố, nhớ quê, thương lại cội nguồn. Mạch bút Thôn ca góp phần làm giàu văn mạch thi ca dân tộc...”

(Trích “Đoàn Văn Cừ người lưu giữ hồn quê”,
Bóng mát dọc đường xa – Phê bình và tiểu luận, NXB Hội nhà văn, 2014)

3 Câu hỏi đọc hiểu

1. Trong bài viết, Vũ Quần Phương đã nêu ra những điểm độc đáo nào về nội dung và bút pháp của Đoàn Văn Cừ khi viết về đề tài nông thôn? Em hãy tóm tắt ngắn gọn những điểm độc đáo ấy.
2. Hãy chỉ ra thao tác lập luận chính được tác giả sử dụng trong đoạn văn sau:

“Thuở ấy, giữa lúc chín rộ của phong trào Thơ mới, thi đàn tràn ngập thơ lãng mạn tình ái thị thành, Đoàn Văn Cừ chủ trương một lối thơ hiện thực và chuyên về đề tài nông thôn. Quanh đề tài này còn quần tụ Nguyễn Bính, Bằng Bá Lân, và sau một chút là Anh Thơ.

Nông thôn trong thơ Nguyễn Bính là nông thôn của cõi mộng với những mối tình trai gái e lệ đẹp như mơ. Nông thôn của Đoàn Văn Cừ là nông thôn của đời thực với chuyện gặt hái lam làm, ma chay, cưới xin, chợ búa, rồi cháy nhà, bắt cướp, với những ông lái, ông đội, bác bán thuốc ê, cả những đàn trâu, đàn vịt...”

3. Nêu nhận xét của em về cách đánh giá và thái độ, tình cảm của người viết dành cho Đoàn Văn Cừ thể hiện qua bài viết.
4. Vũ Quần Phương phát hiện Đoàn Văn Cừ “rất mạnh về cảm quan thị giác, rất thích màu sắc”.

Em hãy chứng minh nhận định trên qua bài thơ “Chợ Tết” của Đoàn Văn Cừ.



LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

1. Lựa chọn phương án trả lời đúng

Câu 1: Theo Vũ Quần Phương, thơ Đoàn Văn Cừ “kể việc mà không khô khan, cảnh quen mà gây sững sốt” bởi ông có:

- A. sự quan sát tinh tế.
- B. tài tả cảnh điêu luyện.
- C. tài kể chuyện hấp dẫn.
- D. sự quan sát đầy tính phát hiện.

Câu 2: Ý nào sau đây **không phải** là nhận xét của Vũ Quần Phương khi bàn về tưởng tượng của Đoàn Văn Cừ trong thơ?

- A. Ông đưa tưởng tượng vào trong quan sát.
- B. Tưởng tượng là phút thăng hoa của quan sát.
- C. Tưởng tượng từ quan sát mà thành.
- D. Tưởng tượng là yếu tố duy nhất tạo nên sự đặc sắc trong bút pháp tả thực của Đoàn Văn Cừ.

Câu 3: “Nghe ông Cừ trò chuyện, tôi lại ngạc nhiên về sự thật thà đến ngây thơ của ông. Sau này nghe Tô Hà kể về cách ứng xử luôn luôn đôn hậu, kính cẩn của ông đối với bất cứ ai, thì tôi nhận ra tính nghiêm cẩn rất “kẻ sĩ” của ông đối với việc, với người và với chính bản thân ông. Ông tự hào với những gì mình đạt được nhưng ông cũng rất khiêm nhường. Cả tự hào lẫn khiêm nhường đều hồn nhiên, chân thật, rất cảm động. (...) Với thơ, ông cũng luôn thành kính, trân trọng, rụt rè như thuở ban đầu cầm bút. Đó là một ưu điểm, một sự trọng nghề nhưng cũng có phần gây trở ngại cho sự thể nghiệm, cho những đổi thay thi pháp.”

Mục đích chính của Vũ Quần Phương khi viết đoạn văn trên là gì?

- A. Làm rõ tính cách riêng của nhà thơ Đoàn Văn Cừ.
- B. Nhấn mạnh ưu điểm và nhược điểm của thi pháp thơ Đoàn Văn Cừ.
- C. Chỉ ra chỗ thống nhất giữa người và thơ Đoàn Văn Cừ.
- D. Tạo sự chân thực cho bài viết.

2. Viết về Đoàn Văn Cừ, Vũ Quần Phương cho rằng: “những gì ông lưu giữ và trao lại cho chúng ta lại thuộc về những thứ gia bảo ngày càng quý hiếm. Nó là hoài niệm của nhiều thế hệ bạn đọc, càng xa càng nhớ. Thơ ông đã là bảo tàng tâm hồn của mọi người Việt nặng lòng hồi cố, nhớ quê, thương lại cội nguồn.”. Những đánh giá trên gợi cho em cảm xúc và suy nghĩ gì về việc lưu giữ những giá trị truyền thống cho thế hệ sau? Hãy trình bày bằng một đoạn văn khoảng 8 đến 10 dòng.

BÀI 2

NGUYỄN ĐỨC MẬU

1 Tác giả

Nguyễn Đức Mậu sinh năm 1948 ở xã Nam Điền, huyện Nam Trực tỉnh Nam Định.

Nguyễn Đức Mậu là một nghệ sĩ tài ba, với các sáng tác thuộc nhiều thể loại trường ca (*Trường ca Sư đoàn*, 1980), truyện ngắn (*Con đường không quên*, 1984), tiểu thuyết (*Tướng và lính*, 1990), tiểu luận, phê bình (*Niềm say mê ban đầu*, 2010) nhưng có lẽ ông thành công nhất ở lĩnh vực thơ ca (*Bầy chim lá màu vàng*, 2004; *Mở bàn tay gặp núi*, 2008). Thơ Nguyễn Đức Mậu chân chất, sâu lắng trong cảm xúc; tài hoa, gợi nhiều ám ảnh trong cách biểu đạt.

Với những đóng góp của mình Nguyễn Đức Mậu đã được trao tặng nhiều giải thưởng cao quý như: Giải thưởng văn học đề tài chiến tranh Hội Nhà văn Việt Nam (1994) với tác phẩm *Từ hạ vào thu*; Giải thưởng ASEAN 2001 với tác phẩm *Cánh rừng nhiều đom đóm bay*, Giải thưởng Văn học Bộ Quốc phòng (2004) với tập thơ *Bầy chim lá màu vàng*, Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật, đợt I, 2001.

“*Từ hạ vào thu*” là tuyển tập gồm 189 bài thơ ghi lại những kí ức về chiến tranh, được qua Nguyễn Đức Mậu sáng tác trước năm 1992. Qua tập thơ, người đọc thấy được những suy nghĩ và cảm xúc của ông về mảnh đất quê hương, về con người, về phong cảnh thiên nhiên và cuộc sống đời thường. Mỗi bài thơ trong “*Từ hạ vào thu*” thể hiện những rung cảm sâu sắc và những xúc cảm nội tâm tinh tế của nhà thơ.



Nhà thơ Nguyễn Đức Mậu



Nhà thơ Nguyễn Đức Mậu có sử dụng nhiều bút danh thể hiện tình cảm sâu nặng dành cho quê hương. Em hãy tìm và ghi lại các bút danh đó.

2

Tri thức đọc hiểu

Dân tộc Việt từ xa xưa đã quần tụ ở vùng đất cổ thuộc đồng bằng sông Hồng và gắn bó với nghề trồng lúa nước. Trải qua nhiều thời kì phát triển, nghề trồng lúa nước không chỉ làm ra nguồn lương thực nuôi sống con người, mà còn tạo ra không gian văn hoá, bề dày lịch sử mang bản sắc riêng của người Việt như tục thờ cúng tổ tiên (bánh chưng bánh dày...); tục thờ Tứ Pháp (thờ thần mưa, gió, sấm, chớp);... Nghề trồng lúa nước vất vả, phải trải qua nhiều giai đoạn: làm đất (cày bừa đất cho bằng phẳng toi nhuyễn); gieo mạ; cấy lúa và chăm bón cho cây lúa sinh trưởng và trở bông. Cây lúa sinh trưởng qua giai đoạn ngâm ủ len mầm, gieo mạ, cấy lúa con, đẻ nhánh, làm đòng, trở bông và lúa chín. Bông lúa có nhiều hạt, hạt lúa còn gọi là hạt thóc. Quá trình chín của hạt gồm chín sữa, chín sấp và chín hoàn toàn. Hạt lúa bao gồm gạo và vỏ trấu. Vỏ trấu màu vàng nên thường dân gian gọi là hạt vàng, khi xay sát thành hạt gạo thường có màu trắng, sáng bóng như hạt ngọc.

Quá trình làm ra hạt lúa rất vất vả, khó nhọc nên người Việt đặc biệt quý trọng hạt lúa. Điều này giải thích vì sao, trong suốt chiều dài lịch sử, hình tượng cây lúa, hạt lúa, hạt gạo ... luôn hiện diện trong thơ ca dân gian cũng như văn học viết.



Nguyễn Đức Mậu gia nhập quân đội ở tuổi 17 và chiến đấu trong Sư đoàn 312 ở chiến trường Lào. Vì thế tác phẩm "Trường ca Sư đoàn" ông viết tặng Sư đoàn 312 – Sư đoàn Anh hùng.

*Viết lên áo lính, viết lên màu cờ
Viết cùng dấu chân trải nghìn dặm
đất*

*Viết năm chiến tranh, viết ngày
gieo hạt*

*Viết lên trời cao vàng vạc giải Ngân
Hà...*

3

Văn bản *Ngợi ca hạt lúa*

*Chiếc hạt vàng muôn thửa của đồng quê
Như con thuyền chở tôi qua cơn đói
Với hạt lúa mẩy tròn, chín tới
Tôi giống trẻ thơ trước bầu sữa căng đầy
Tôi hoá con chim ngói
Tới mùa màng vỗ cánh về đây.*

Dạy tôi yêu cái cuốc, cái cày
Lưỡi mòn vết qua mùa vỡ đất
Cái hái cái liềm xôn xao mùa gặt
Cha tôi cầm lấp lánh vầng trăng.

Dạy tôi yêu lối ngõ, con đường
Có vết chân trâu nổi về hạt lúa
Dải đê lớn mở rộng vòng tay cò
Con sông dài chia nhánh phù sa.

Chiếc hạt vàng của sự ấm no
Như lửa ấm đời đời truyền lại
Nằm ở tay cha nên đồng nên bãi
Nằm trên tay mẹ nên khoi còm chiều
Nằm trên tay em nên câu hát dặt dìu
Nằm ở tay anh hoá tình yêu thực chất
Bàn tay con người mệnh mông mảnh đất
Những đường vân dọc ngang
như dải lụa chen đầy.

Chiếc hạt vàng bình yên hôm nay
Đã đi qua những dòng sông hung dữ
Cây lúa lên đồng trong mùa mưa lũ
Thân mảnh mai bầy nổi ba chìm
Cây lúa uốn câu trong kì bão gió
Tre vắn cành, mây xám, mặt trời đen.

Mùa lúa chín vàng mang nắng sớm
bừng lên

Tiếng chim gáy rủ đất trời vào mây
Tôi đi giữa mùa màng nhiệt đới
Qua Trung Du tới Đồng Tháp xa vời
Vẫn chưa hết màu vàng hạt lúa
Hạt lúa dài theo Đất nước Việt Nam tôi.

(Trích từ *Từ hạ vào thu*,
NXB Hội Nhà văn)



Tìm đọc tập thơ *Từ hạ vào thu*, NXB Hội Nhà văn, 2019 và ghi lại tên những bài thơ, ghi lại những câu thơ có hình ảnh cây lúa, hạt gạo, hạt thóc.



Liềm là một nông cụ cầm tay có lưỡi cong, chuyên dùng để thu hoạch cây lương thực như lúa, khoai hoặc để cắt cỏ làm thức ăn cho gia súc. Do hình dạng của nó, liềm được so sánh với trăng đầu tháng – lưỡi liềm, trở thành hình ảnh trong thơ ca: Lưỡi liềm vàng trên cánh đồng sao (Victor Hugo). Liềm biểu tượng cho vẻ đẹp mặt trăng – thiên tính nữ, cho mùa màng, mùa gặt và sự sinh sôi.

4

Câu hỏi đọc hiểu

1. Xác định nhân vật trữ tình của văn bản.
2. Ở khổ thơ 1 và 4, hạt lúa đã đem đến những giá trị nào đối với nhân vật trữ tình và đời sống con người? Để thể hiện giá trị đó nhà thơ đã sử dụng hình thức nghệ thuật nào?
3. Hạt lúa trong bài thơ được tác giả gọi bằng hình ảnh nào? Việc lặp lại những hình ảnh đó ở đầu các khổ thơ có tác dụng gì?
4. Ở khổ thơ 2 và 3, nhân vật trữ tình đã học được những bài học nào từ hạt lúa?
5. Em hãy chỉ ra điểm gặp gỡ của hình tượng hạt lúa ở khổ thơ thứ 5 và hạt gạo trong đoạn thơ: *Hạt gạo làng ta/Có bão tháng bảy/Có mưa tháng ba/Giọt mồ hôi sa/Những trưa tháng sáu* (Hạt gạo làng ta – Trần Đăng Khoa).



LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

1. Lựa chọn phương án trả lời đúng

Câu 1: Thể thơ của văn bản là:

- | | |
|-----------------------|----------------------|
| A. Lục bát. | B. Tự do. |
| C. Song thất lục bát. | D. Thất ngôn bát cú. |

Câu 2: Hình ảnh *cái hái cái liềm* trong tay người cha ở khổ thơ 2 được tác giả liên tưởng tới:

- | | | | |
|----------------|----------------|----------------|---------------|
| A. Chiếc diều. | B. Con thuyền. | C. Vầng trăng. | D. Miếng cau. |
|----------------|----------------|----------------|---------------|

Câu 3: Cụm từ *bảy nổi ba chìm* trong câu thơ *Thân mảnh mai bảy nổi ba chìm* là:

- | | | | |
|-------------|-------------|---------------|---------------|
| A. Điển cố. | B. Tục ngữ. | C. Thành ngữ. | D. Điển tích. |
|-------------|-------------|---------------|---------------|

2. Qua việc đọc hiểu bài thơ và sự am hiểu của bản thân về nghề trồng lúa nước, em hãy viết 1 đoạn văn khoảng 200 chữ bàn về thái độ cần có của mỗi người khi được thừa hưởng thành quả lao động của người khác.

BÀI 3

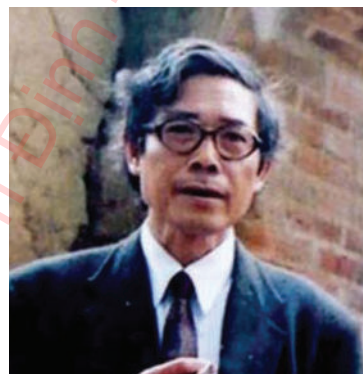
BẾ KIẾN QUỐC

1 Tác giả

Nhà thơ Bế Kiến Quốc sinh ngày 19/5/1949 tại Nam Định, mất ngày 25/6/2002 tại Hà Nội. Ông nguyên là học sinh khoá 1963 – 1966, trường cấp 3 Lê Hồng Phong, Nam Định (nay là THPT chuyên Lê Hồng Phong, Nam Định). Bế Kiến Quốc có năng khiếu thơ văn từ nhỏ. Ông sáng tác thơ khi còn rất trẻ và ghi dấu ấn với giải Nhì cuộc thi thơ của Tuần báo Văn nghệ khi mới 20 tuổi.

Bế Kiến Quốc là một trong những tài năng của thế hệ những nhà thơ trưởng thành từ thời kì chống Mỹ và sớm có ý thức đổi mới thi ca sau chiến tranh. Ông từng là trưởng ban thơ, thư kí toà soạn của Tuần báo Văn nghệ, Tổng biên tập Báo Người Hà Nội. Năm 2012, ông được truy tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.

Tác phẩm chính: *Những dòng sông* (thơ, in chung, 1979), *Chú ngựa mã sao* (truyện thơ thiếu nhi, 1979), *Dòng suối thần kì* (truyện thơ thiếu nhi, 1984), *Cuối rễ đầu cành* (thơ, 1994), *Mãi mãi ngày đầu tiên* (thơ, 2002), *Đất hứa* (thơ, 2003).



Nhà thơ Bế Kiến Quốc



Nhà thơ Bế Kiến Quốc luôn quan tâm, giúp đỡ, dìu dắt các tác giả mới bước vào con đường sáng tác. Hội Văn học Nghệ thuật Hà Nam Ninh (sau này là Hội Văn học nghệ thuật Nam Hà, Hội Văn học nghệ thuật Nam Định) đã nhiều lần mời nhà thơ về bồi dưỡng năng khiếu sáng tác thơ văn cho thiếu nhi tỉnh Nam Định.

2 Tri thức đọc hiểu

Thơ tự do

Thơ tự do là thể loại chỉ mới xuất hiện trong văn học hiện đại. Khác với thơ cách luật, thơ tự do không bị ràng buộc vào các quy tắc nhất định về số câu, số chữ, niêm, luật, vần, đối,... Khác với thơ văn xuôi, văn bản thơ tự do có phân dòng và xếp song thành hàng, thành khổ như những đơn vị nhịp điệu. Tuy xếp thành hàng, thành khổ, nhưng các khổ thơ trong bài thơ không bắt buộc phải giống nhau về số lượng câu và các câu trong một khổ thơ, bài thơ không bắt buộc phải giống nhau về số chữ. Thơ tự do cũng cho phép đan xen nhiều thể thơ khác nhau trong cùng một văn bản. Với những đặc điểm trên, thơ tự do cho phép tác giả biểu đạt ý tưởng và cảm xúc của mình một cách tự nhiên, phóng túng nhất.

Quan niệm về thơ của Bế Kiến Quốc

Nhà thơ Bế Kiến Quốc từng tự bạch: “Theo tôi, thơ có giá trị là thơ phải nâng cao tâm hồn con người. Những nhà thơ thành công là những nhà thơ nói được tiếng nói của thời đại, của đất nước, chứ không phải những nhà thơ chỉ có “kỹ thuật cao”. Và, điều quan trọng là thơ phải luôn luôn hướng về phần sáng của cuộc đời...”.

“Luôn hướng về phần sáng của cuộc đời” là điều mà nhà thơ tâm niệm và gửi gắm trong hàng loạt bài thơ: *Tự nhủ*, *Có một người đợi tôi*, *Ngợi ca ngọn lửa*, *Đã nghe chuông xuân tới*, *Hãy nhìn anh như nhìn một dòng sông*,...



Em hãy sử dụng Internet hoặc tra cứu tài liệu để tìm hiểu thêm về quan niệm thơ của Bế Kiến Quốc; ghi lại những câu em cho là tiêu biểu.

3

Văn bản *Cuối rẽ đầu cành*

Vươn mãi vào bề sâu
Cái rẽ non tìm đường cho cây
Qua sỏi đá có khi tưới máu.

Hướng mãi lên chiều cao
Cái cành non vượt mưa đông nắng hạ
Nảy chiếc lá như người sinh nở.

Ai đang ngồi hát trước mùa xuân
Cuộc đời như thể tự nhiên xanh
Chỉ có đất yêu cây thì đất biết
Những cơn đau nơi cuối rẽ đầu cành...

(Bế Kiến Quốc – Tác phẩm văn học
được giải thưởng Nhà nước, NXB Hội nhà văn,
2014, Trang 17-18).)



Tập thơ “Cuối rẽ đầu cành”

4 Câu hỏi đọc hiểu

1. Hãy nêu những đặc điểm của thể thơ tự do thể hiện qua văn bản.
2. Chỉ ra và phân tích những từ ngữ, hình ảnh diễn tả “nỗi đau của rễ” được tác giả miêu tả trong khổ thơ thứ nhất.
3. Nỗi đau nơi đầu cành được tác giả thể hiện trong khổ thơ nào? Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ trong hai câu thơ sau:
*Cái cành non vượt mưa đông nắng hạ
Nảy chiếc lá như người sinh nở.*
4. Theo em, thông điệp nghệ thuật mà tác giả gửi gắm trong khổ thơ cuối là gì?
5. Qua văn bản “Cuối rễ đầu cành”, em rút ra được bài học sâu sắc gì cho bản thân?



LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

1. Lựa chọn phương án trả lời đúng

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản là gì?

- A. Thuyết minh B. Biểu cảm C. Miêu tả D. Tự sự

Câu 2: Biện pháp tu từ xuất hiện trong khổ thơ thứ nhất là gì?

- A. So sánh và nhân hoá B. Nhân hoá và ẩn dụ
C. Ẩn dụ D. Nhân hoá

Câu 3: Theo em, bài thơ “Cuối rễ đầu cành” thuộc tiểu loại thơ trữ tình nào sau đây?

- A. Trữ tình tâm tình B. Trữ tình thế sự
C. Trữ tình công dân D. Trữ tình phong cảnh.

2. Viết một đoạn văn khoảng 8 – 10 dòng nêu suy nghĩ của em về triết lí sống được gợi ra từ văn bản.

BÀI 4

PHẠM CÔNG TRÚ

1 Tác giả

Phạm Công Trứ sinh năm 1953, còn có bút danh là Phạm Công, Phạm Thuần Việt, Phạm Thanh Tịnh. Ông quê ở Hải Thanh, Hải Hậu, Nam Định. Ông từng là bộ đội Trường Sơn, cán bộ giảng dạy Đại học Luật Hà Nội, công tác tại báo Pháp Luật Việt Nam. Ông là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Hiện ông đã nghỉ hưu.

Phạm Công Trứ thành công trong sáng tác thơ ca, đặc biệt là thể thơ lục bát. Tiếp nối dòng mạch từ lục bát ca dao, từ lục bát cổ điển, thơ lục bát Phạm Công Trứ mang hương vị riêng độc đáo. Nếu Nguyễn Duy có một lục bát của “chúng sinh” lấm láp pha chút chơi giỡn, Đồng Đức Bốn là một thứ lục bát thậm xưng, thì Phạm Công Trứ tạo ra một thứ lục bát của cái hóm hình nguì nguì. Giọng tự cảm nguì nguì làm thành nét riêng của thơ ông.

Bài thơ Ba đoạn thơ thu được rút ra từ tập *Lời thề cỏ may*. Trong đó *Đoạn thơ thu thứ nhất* thể hiện rõ nét sắc thu và giọng tự cảm nguì nguì của hồn thơ Phạm Công Trứ.



Nhà thơ Phạm Công Trứ



Phạm Công Trứ luôn nhận mình là “người quê”, “gã quê”, “nhà quê” và người như thế có “thơ quê”. Em hãy tìm đọc những bài thơ: “Tháng Ba”, “Nhật ở bờ rào”, “Quê...” và ghi lại những câu thơ thể hiện rõ nét chất quê đó.

2 Tri thức đọc hiểu

Thơ lục bát là thể thơ cổ, truyền thống của thơ ca dân tộc Việt Nam. Thơ lục bát hiện đại kế thừa tinh hoa văn hoá dân tộc, từ kho tàng ca dao, dân ca đến Truyện Kiều của Nguyễn Du tạo nên đời sống sôi động với số lượng tác giả đông đảo, tác phẩm đồ sộ. Thơ lục bát hiện đại chia thành hai khuynh hướng, một là khuynh hướng dân gian (Nguyễn Bính, Nguyễn Duy, Đồng Đức Bốn, Phạm Công Trứ ...), hai là khuynh hướng cổ điển - bác học (Huy Cận, Bùi Giáng ...).



Phạm Công Trứ là Phó Giáo sư Tiến sĩ Luật học, Nguyên Trưởng ban Nội chính báo Pháp luật Việt Nam. Ông công tác tại báo Pháp luật – Bộ Tư pháp và còn là giảng viên trường Đại học Luật Hà Nội, hội viên Hội Luật gia Việt Nam, hội viên Hội Nhà báo Việt Nam. Ông học và bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ năm 1990 tại Liên Xô.

Nam Định có nhiều nhà thơ thành công về thể loại Lục bát. Hai trong số đó là Nguyễn Bính và Phạm Công Trứ. Nếu lục bát của Nguyễn Bính đầm thắm, mượt mà, chân quê, gắn với điệu than của ca dao truyền thống thì Phạm Công Trứ lại tạo ra một thứ lục bát hóm hỉnh, ngùi ngùi pha chút bông phèng, tếu táo.

3 Văn bản Ba đoạn thơ thu

Đoạn thơ thu thứ nhất

Muối tàn sen cũng đi tu

Lá tre đã thả một mùa heo may

Con sông không ồm mà gầy

Mắt em chưa tối đã đầy hoàng hôn

Cuối trời một giọt sao Hôm

Lòng anh vô có mà buồn đó em.

(Trích từ *Lời thề cỏ may*, Phạm Công Trứ,
NXB Thanh niên, Hà Nội, 1990)



Lời thề cỏ may là bài thơ của Phạm Công Trứ được rất nhiều độc giả yêu thích. Em hãy sử dụng mạng internet và tra cứu sách, báo tìm đọc bài thơ và ghi lại những câu thơ mà em tâm đắc nhất.



Heo may – gió heo may, gió mang hơi lạnh và khô thổi vào mùa thu. Đây là loại gió đặc trưng của miền Bắc, thổi từ hướng Đông Bắc về Việt Nam. Gió heo may thường xuất hiện đầu mùa thu (khoảng tháng 9, tháng 10) khi mùa hè bắt đầu kết thúc và mùa thu bắt đầu.

4 Câu hỏi đọc hiểu

1. Xác định thể thơ của văn bản.
2. Tìm tín hiệu của mùa thu qua những hình ảnh thiên nhiên.
3. Những hình ảnh thiên nhiên trong bài thơ có sự khác biệt gì với hình ảnh thiên nhiên mùa thu trong thơ ca truyền thống: hoa cúc, rừng phong, cây ngô đồng... ? Qua đó giúp em hiểu gì về bức tranh mùa thu và con người tác giả?
4. Nhân vật trữ tình đã cảm nhận mùa thu bằng các giác quan nào? Qua đó giúp em hiểu gì về tâm trạng, suy tư của nhân vật trữ tình trước khoảnh khắc mùa thu ?
5. Đọc bài thơ có ý kiến cho rằng: *Câu thơ 1, 2, 3 tràn ngập sắc thu nhưng câu thơ 4, 5, 6 thì chưa thấy*. Từ việc đọc hiểu bài thơ trên, em hãy trình bày quan điểm của mình về ý kiến trên.



LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

1. Lựa chọn phương án trả lời đúng

Câu 1: Đề tài của bài thơ là:

- A. Thiên nhiên. B. Tình yêu. C. Mùa thu. D. Quê hương.

Câu 2: Câu thơ *Sen tàn cúc lại nở hoa* (Truyện Kiều – Nguyễn Du), có thể sử dụng liên hệ mở rộng cho câu thơ nào trong bài thơ?

- A. *Mướt tàn sen cũng đi tu* B. *Lá tre đã thả một mùa heo may*
C. *Con sông không ồm mà gầy* D. *Mắt em chưa tối đã đầy hoàng hôn*

Câu 3: Biện pháp tu từ trong câu thơ *Con sông không ồm mà gầy* là

- A. So sánh và nhân hoá. B. Nhân hoá và ẩn dụ.
C. Ẩn dụ. D. Hoán dụ.

2. Từ việc đọc hiểu về bài thơ trên, em hãy viết đoạn văn khoảng 200 chữ phân tích sự độc đáo trong việc sử dụng ngôn từ của nhà thơ.

BÀI 5

BÌNH NGUYỄN TRANG

1 Tác giả

Nhà thơ Bình Nguyễn Trang tên thật là Vũ Thị Quỳnh Trang, sinh năm 1977 tại Phú Thọ, quê quán xã Hải Hà, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Chị là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, hiện công tác tại Báo Nhân Dân.

Bình Nguyễn Trang sáng tác văn học từ rất sớm, từng đoạt giải Nhất cuộc thi *Tác phẩm tuổi xanh* của báo Tiền Phong năm 1997 và Giải B của Liên hiệp các Hội văn học nghệ thuật Việt Nam năm 2012.

Tác phẩm đã xuất bản, gồm 4 tập thơ: *Lối về* (1995), *Chỉ em và chiếc bình pha lê biết* (2003), *Những bông hoa đang thien* (2012), *Những người đàn bà trở về* (2016) và 06 tập văn xuôi: *Chuyến tàu thời gian* (Truyện, 2000), *Sông của nhiều bờ* (Kí chân dung, 2012), *Tìm trong cội người* (Kí chân dung, 2012), *Mùa đom đóm mở hội* (Tập truyện ngắn, 2013), *Hoa gạo cuối trời* (Tản văn, 2016), *Sống mãi trên quê hương anh hùng* (Truyện kí, 2020).



Nhà thơ
Bình Nguyễn Trang

2 Tri thức đọc hiểu

Nỗi đau đau của một người viễn xứ

Nhà thơ Bình Nguyễn Trang sinh ở Việt Trì, Phú Thọ nhưng tuổi thơ của chị lại gắn bó với mảnh đất Hải Hậu, Nam Định. Hải Hậu, quê cha, cũng là quê mẹ, là nơi chị học bài học đầu tiên. Bình Nguyễn Trang tâm sự: “*Có thể nói, ám ảnh suốt tuổi thơ đi học của tôi là không gian của vùng đồng bằng Bắc Bộ, với cánh đồng xanh mướt, với bờ đê đầy hoa sài đất nở vàng, với những con đò xuôi ngược trên bến sông và những phận người lam lũ. Sau này dù đi xa, nhưng lúc nào tôi cũng nhớ về làng quê của mình,...*”.

Lên mười tuổi, Trang đã phải xa nhà đi học trường năng khiếu của huyện. Phố huyện nghèo với những



Hoa gạo là loài hoa đặc trưng của tháng Ba. Bình Nguyễn Trang viết nhiều về hoa gạo đến nỗi bạn đọc phải đặt tên cho chị là “Nhà thơ của tháng Ba”.



Em hãy tìm đọc những bài thơ của tác giả Bình Nguyễn Trang viết về quê hương Nam Định và ghi lại những vần thơ mà em tâm đắc nhất.

con người lam lũ trở thành quê hương của chị: “*Phố huyện mình đêm mùa đông rất đỗi/ lam lũ những cuộc đời hằn vết bánh xe*” (Phố huyện).

Mười lăm tuổi, Bình Nguyên Trang rời quê lên học trường chuyên của tỉnh. Quê hương mở dần ra với những con phố cổ, những dãy nhà rêu phong, hồ Vị Xuyên thơ mộng, bến Đò Quan thừa thớt tiếng gọi đò,... Mười tám tuổi, cô bé giỏi thơ văn ấy lại khăn gói lên Hà Nội học đại học, rồi tốt nghiệp, đi làm. Thủ đô hoa lệ với hàng núi công việc níu kéo bàn chân chị. Đường về quê theo đó, cứ dài thêm. Quê hương trở thành niềm thương nỗi nhớ, thành nỗi đau đau trở về:

“*Tôi đi xa để gần gửi ngàn năm/Nỗi đau đau của một người viễn xứ/Ngày đang mới trong một chiều đã cũ/Gọi tên mùa trong tiếng lá dầm xanh*” (Mỗi tháng Ba về). Có khi, nỗi đau đau trong lòng ấy đã cất lên thành lời, thành tiếng gọi trở về đầy thiết tha: “*Về quê đi em mà rõ hình hài/ mà hoang sơ một tình yêu mặt đất/mà buồn tênh một gương mặt thật/ một bàn chân tõe ngón ruộng đồng...*” (Về quê).



Ý thơ của Bình Nguyên Trang gợi cho em nhớ đến điệp khúc nào trong bài hát “Đi để trở về” của Soobin Hoàng Sơn? Em hãy thử hát lên giai điệu điệp khúc đó.

3

Văn bản Về phố cũ

Lại về nghe bầu chim nói
Hót vô tư trên phố nhà
Cây bàng đang mùa khoe quả
Thành Nam những ngày đi xa

Nắng lên nồng nàn mùa hạ
Vị Xuyên sóng sánh nước hồ
Con đường ngày xưa đi học
Có già qua những nắng mưa

Im lặng mà nhìn ban trưa
Phố cổ nằm mơ màng ngủ
Rêu phong ngàn năm không cũ
Sao bóng tôi lại xa mờ

Tôi đi qua một bài thơ
Cháy lên một ngàn mong nhớ



- Gạch chân các địa danh được tác giả nhắc đến.
- Liên hệ, kết nối với phần tri thức đọc hiểu để cảm nhận bài thơ.



Chú ý cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, các biện pháp nghệ thuật có trong bài thơ.

Nỗi buồn nhẹ như hơi thở
Lan xa trên mái phố già

Tôi không phải người hôm qua
Tôi không phải người sắp tới
Hình như không ai chờ đợi
Mà vẫn tôi người trở về.

(Trích “Chỉ em
và chiếc bình pha lê biết”)



Phố cũ – Trần Thi

4 Câu hỏi đọc hiểu

1. Ấn tượng về phố cũ được tác giả miêu tả qua những hình ảnh nào? Em hãy chỉ ra và phân tích nét đặc sắc trong cách miêu tả của tác giả.
2. Nêu cảm nhận của em về tâm trạng của nhân vật trữ tình thể hiện qua khổ thơ: “Tôi đi qua một bài thơ/Cháy lên một ngàn mong nhớ/Nỗi buồn nhẹ như hơi thở/Lan xa trên mái phố già”.
3. Cách nói của tác giả ở khổ thơ cuối có gì đặc sắc? Theo em, qua cách nói đó, tác giả muốn khẳng định điều gì?
4. Em có nhận xét gì về mạch cảm xúc của bài thơ? (Gợi ý: Hình ảnh về phố cũ được cảm nhận bằng các giác quan khác nhau. Em hãy gọi tên các giác quan đó ở mỗi khổ thơ, từ đó phát hiện sự vận động của mạch cảm xúc trong bài thơ).
5. So sánh bài thơ Về phố cũ (Bình Nguyên Trang) với bài thơ Anh về quê cũ (Nguyễn Bình) trong chương trình đã học để thấy được điểm chung và nét riêng của hai bài thơ.



LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

1. Lựa chọn phương án trả lời đúng

Câu 1: Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ: “*Lại về nghe bấy chim ngói/Hót vô tư trên phố nhà*”:

- A. Nhân hoá
- B. Ẩn dụ và so sánh
- C. Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác
- D. Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác và nhân hoá

Câu 2: Cảm xúc chủ đạo của nhân vật trữ tình khi trở về phố cũ?

- A. Vui sướng
- B. Lo sợ
- C. Buồn
- D. Xót xa

Câu 3: Dòng nào sau đây liệt kê đúng nhất những biểu hiện của diễn biến tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trữ tình khi về phố cũ?

- A. Nghe, nhìn, ngủ, đi qua, trở về.
- B. Nghe, nhìn, lặng im, buồn, thức tỉnh-khẳng định.
- C. Về, nghe, nhớ, im lặng, ngủ, buồn, chờ đợi, trở về.
- D. Nghe, nhìn, im lặng, buồn, chờ đợi.

2. Giả sử mai này phải xa quê, em sẽ nhớ về điều gì nhất? Em hãy sáng tác một bức tranh phong cảnh hoặc một bài thơ 6 chữ để thể hiện điều đó.

CHỦ ĐỀ

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG, PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở TỈNH NAM ĐỊNH

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Trình bày được một số vấn đề về ô nhiễm môi trường, thiên tai và biến đổi khí hậu ở tỉnh Nam Định: nguyên nhân, biểu hiện, hậu quả đối với sản xuất và đời sống, từ đó đề xuất được các giải pháp khắc phục, hướng tới phát triển bền vững ở địa phương.
- Tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong cộng đồng.



Rác thải ven biển của huyện Hải Hậu năm 2024



Một hoạt động làm sạch bờ biển Quất Lâm, huyện Giao Thủy năm 2020

BÀI 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG Ở TỈNH NAM ĐỊNH



Nam Định là tỉnh đông dân ở phía nam Đồng bằng sông Hồng. Các hoạt động kinh tế diễn ra từ sớm và phát triển toàn diện.



Trong thời gian qua, hoạt động sản xuất và đời sống đã tác động như thế nào đến môi trường ở địa phương? Người dân Nam Định cần làm gì để giải quyết các vấn đề ô nhiễm môi trường hiện nay?

I Biểu hiện của ô nhiễm môi trường

Quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá đã tác động mạnh đến các thành phần môi trường trên địa bàn tỉnh Nam Định với nhiều mức độ khác nhau.

Bảng 1.1. Ô nhiễm môi trường tỉnh Nam Định giai đoạn 2016 – 2020

Môi trường	Biểu hiện ô nhiễm	Nơi ô nhiễm nhất
Nước	<ul style="list-style-type: none"> Nước có màu lạ, mùi lạ, độ đục và nhiệt độ của nước tăng cao,... Nước là loại môi trường bị ô nhiễm nặng nhất, đặc biệt là ở các vị trí tiếp nhận nguồn xả thải. Nước trên mặt đã có dấu hiệu bị ô nhiễm chất lơ lửng, chất hữu cơ và vi sinh vật với các mức độ khác nhau, trong đó chất lượng nước ao, hồ chỉ ở mức trung bình và xấu. Nước dưới đất có dấu hiệu ô nhiễm bởi clorua, coliform, sắt, amoni,... Nước biển có hiện tượng bị ô nhiễm bởi chất rắn lơ lửng, phosphat, coliform, dầu mỡ, amoni,... 	Sông Vĩnh Giang, sông Đáy (khu vực Tam Toà), hồ Truyền Thống, nhiều kênh mương trong thành phố,...
Không khí	<ul style="list-style-type: none"> Không khí có nhiều bụi, nồng độ các chất độc hại (CO, SO_2, NO_x) tăng cao,... Số lượng điểm ô nhiễm cục bộ (các nút giao thông, công trường, nhà xưởng,...) có xu hướng gia tăng. Vùng ô nhiễm tập trung ở khu vực phía tây bắc và xu hướng mở rộng về phía tây nam. 	Các nút giao thông: ngã ba quốc lộ 10 và đường Văn Cao; nút giao giữa quốc lộ 10 và đường Đông A; ngã ba quốc lộ 21 và tỉnh lộ 490;...

Môi trường	Biểu hiện ô nhiễm	Nơi ô nhiễm nhất
Đất	<ul style="list-style-type: none"> – Đất chặt hơn, đất bị phèn, mặn, dư lượng hoá chất bảo vệ thực vật trong đất và hàm lượng kim loại nặng (đồng, chì,...) gia tăng. – Ô nhiễm kim loại nặng cục bộ tại các làng nghề cơ khí. 	Các làng nghề Vân Chàng, Bình Yên (Nam Trực); Tống Xá (Ý Yên);...



Trình bày các biểu hiện (hoặc dấu hiệu) ô nhiễm môi trường nước, môi trường không khí và môi trường đất. Cho ví dụ về những biểu hiện ô nhiễm môi trường ở nơi ô nhiễm nhất trên địa bàn tỉnh hoặc nơi em sinh sống.

II Nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường

Có nhiều nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh.

1. Nguyên nhân từ tự nhiên

Mưa, bão lũ lụt cuốn theo vật chất xuống sông, ngòi, ao, hồ, kênh, mương,... làm phát tán các chất gây ô nhiễm. Sau thiên tai, quá trình phân huỷ chất thải hữu cơ gây mùi khó chịu, làm ô nhiễm môi trường không khí cục bộ. Việc ngập úng lâu ngày làm cho đất bị thoái hoá và mất dần khả năng sản xuất,... Tình trạng hạn hán, kết hợp với triều cường trong vụ đông xuân có thể làm cho nhiều diện tích đất canh tác của các huyện ven biển bị nhiễm mặn (năm 2020 là 8 756 ha).

2. Nguyên nhân từ con người

Nam Định là tỉnh đông dân, mật độ dân số cao. Trong sản xuất và đời sống, dân cư đã xả thải ra môi trường nhiều chất bẩn và nguy hại.

Trên địa bàn toàn tỉnh, nước thải sinh hoạt thường được xả thải trực tiếp xuống sông, hồ, ao, kênh, mương với tổng khối lượng trung bình khoảng 298 693 m³/ngày. đêm (2021), phần lớn nước thải sinh hoạt chỉ được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại trước khi quay trở lại môi trường.

Tổng khối lượng rác thải sinh hoạt khoảng 220 tấn/ngày (ở thành phố Nam Định) và khoảng 660 tấn/ngày (ở khu vực nông thôn), thành phần chứa nhiều chất vô cơ khó phân huỷ và các chất nguy hại (2020).

Nước thải, rác thải phát sinh từ các hoạt động sản xuất gồm có:

– Trong trồng trọt, việc bón phân hoá học quá mức gây phú dưỡng¹, ô nhiễm nguồn nước, ảnh hưởng tới nguồn lợi thủy sản và làm thoái hoá đất. Thói quen rửa bình bơm và dụng cụ pha chế hoá chất tùy tiện, bao bì và dụng cụ chứa đựng hoá chất

¹ Phú dưỡng là kết quả của việc ao, hồ, kênh, mương,... hồ tiếp nhận một lượng quá lớn các nguồn thải chứa các chất dinh dưỡng như nitơ và phospho, vượt quá khả năng tự điều hoà của hệ thống nước.

bảo vệ thực vật không được thu gom đúng nơi quy định cũng trở thành nguy cơ đe dọa sức khoẻ cộng đồng và gây ô nhiễm môi trường. Lượng vỏ bao bì hoá chất bảo vệ thực vật phát sinh trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 – 2020, ước tính trung bình khoảng 5,61 – 9,35 tấn/năm. Hiện tượng đốt rơm rạ không kiểm soát sau khi thu hoạch đã phát thải nhiều bụi, các khí CO_2 , CO , NO_x khi rơm rạ cháy không hết có thể gây ra hợp chất andêhit làm ô nhiễm môi trường không khí.

- Trong chăn nuôi, tình trạng ô nhiễm môi trường do chất thải chăn nuôi cũng gia tăng, khối lượng ước tính (năm 2021) khoảng 4 000 tấn/ngày chất thải rắn, 27,9 nghìn m^3 /ngày nước thải, 1,56 triệu tấn phụ phẩm nông nghiệp thải bỏ,... Chất thải chăn nuôi gồm ba loại: chất thải rắn (phân, thức ăn, xác gia súc, gia cầm); chất thải lỏng (nước tiểu, nước rửa chuồng,...); chất thải khí (CO_2 , NH_3 ,...).

- Trong nuôi trồng thủy sản, các chất thải phát sinh gồm có: nguồn thức ăn dư thừa thối rữa bị phân huỷ, hoá chất và thuốc kháng sinh... Lốp bùn thải hình thành trong tình trạng ngập nước yếm khí tạo thành các sản phẩm phân huỷ độc hại như H_2S , NH_3 , CH_4 , CH_3SH ,..., tác động tới hệ sinh thái và làm suy giảm chất lượng nước trong khu vực. Nước thải từ các cơ sở chế biến thủy sản chứa nhiều chất hữu cơ và chất rắn lơ lửng... Chất hữu cơ trong nước thải, chất thải phân huỷ sinh ra mùi hôi khó chịu, làm ô nhiễm môi trường không khí.

- Trong công nghiệp, khối lượng nước thải, chất thải rắn phát sinh chưa có thống kê đầy đủ. Tuy nhiên, chỉ tính chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh năm 2020 là 7 838,3 tấn/ngày, 9 đơn vị phát sinh nước thải từ 1 000 m^3 /ngày.đêm trở lên. Chất thải, nước thải công nghiệp có chứa các thành phần độc hại nếu không được thu gom xử lý theo quy định sẽ gây ô nhiễm môi trường nước, môi trường đất, ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của động, thực vật và đời sống của cộng đồng dân cư. Các hoạt động khai thác cát trên sông không những làm thay đổi dòng chảy của sông mà còn ảnh hưởng rất lớn đến môi trường nước.

- Trong các ngành dịch vụ, giao thông vận tải có nhiều nhân tố gây ô nhiễm môi trường hơn cả. Khi hoạt động, các phương tiện sẽ xả ra môi trường một lượng lớn các khí độc hại, các hợp chất chứa chì (PbO , PbCl_2 , PbSO_4 , $\text{Pb}(\text{HC})_4$,...), các hydrocacbon có trong nhiên liệu (benzen, toluene, xylene,...), bụi lơ lửng (TSP, PM10, PM2.5), CO , CO_2 , SO_2 , NO_x ,... trong đó có nhiều thành phần gây nên hiệu ứng nhà kính. Xe máy lại là phương tiện ít được kiểm soát chất lượng và lưu thông với mật độ cao nên là một nguyên nhân quan trọng gây ô nhiễm môi trường không khí tại Nam Định. Bên cạnh đó, mật độ tàu, thuyền lưu thông trên các tuyến đường sông ở Nam Định khá cao (khoảng hơn 2 000 phương tiện tàu, thuyền). Đây cũng là nguyên nhân gây nhiễm bẩn nguồn nước do dầu và các sản phẩm dầu, chất thải, nước thải trên tàu,...



Rác thải ở bờ biển năm 2023



Đốt rơm rạ năm 2024

Hình 1.1. Một số hoạt động gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Nam Định



Trình bày các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường theo 3 nhóm: môi trường nước, môi trường không khí, môi trường đất.



Hậu quả của ô nhiễm môi trường

Ô nhiễm môi trường không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống hàng ngày mà còn gây thiệt hại lớn cho sản xuất của dân cư.

1. Đối với đời sống

Ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường đến sức khỏe con người có thể thông qua hít thở, ăn uống trực tiếp hoặc tiếp xúc với môi trường ô nhiễm trong quá trình sinh hoạt và lao động.

Với nước bị ô nhiễm, người dân có thể mắc các bệnh về đường tiêu hoá do nhiễm khuẩn (tiêu chảy, tả, lỵ, thương hàn), bệnh siêu vi trùng (bại liệt, viêm gan B), bệnh kí sinh trùng (giun, sán), bệnh ngoài da (ghẻ lở, hắc lào), bệnh đau mắt hột, bệnh phụ khoa và tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây ung thư khác,...

Với không khí bị ô nhiễm, các bệnh có thể phát sinh là viêm phế quản, hen suyễn, suy nhược thần kinh, bệnh tim mạch và ung thư.

Khi con người bị tác động bởi tiếng ồn trong một thời gian dài sẽ xuất hiện bệnh đau đầu, chóng mặt, rối loạn chức năng thần kinh, giảm thính lực và có thể bị điếc.

Môi trường đất bị ô nhiễm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người thông qua tiếp xúc trực tiếp với đất hoặc qua đường hô hấp do sự bốc hơi của chất gây ô nhiễm có trong đất, thông qua nguồn nước ô nhiễm. Các bệnh thường gặp do ô nhiễm đất là ung thư, da liễu, nhiễm khuẩn,...

2. Đối với sản xuất

Ô nhiễm môi trường còn làm suy giảm năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi và thiệt hại về kinh tế.

– Ô nhiễm môi trường nước ảnh hưởng trực tiếp đến các động, thực vật sống trong nước. Ở mức độ ô nhiễm nhẹ, chúng sẽ phát triển trong tình trạng phải hấp thụ các chất độc trong thời gian dài gây ra những biến đổi trong cơ thể, một số trường hợp gây đột biến gen, tạo nhiều loài mới. Ở mức độ ô nhiễm nặng, các loài thủy sinh có thể chết. Môi trường nước ô nhiễm dẫn đến phát sinh nhiều dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm, thủy sản.

– Môi trường không khí bị ô nhiễm ngăn cản sự quang hợp và tăng trưởng của thực vật làm lá vàng và rụng sớm. Trong không khí bị ô nhiễm có chứa nhiều bụi và các khí SO_2 , NO_x có thể tạo nên mưa axit ăn mòn lớp phủ bảo vệ sáp của lá, làm cho cây dễ bị tổn thương. Bụi bám vào lá cây làm giảm khả năng quang hợp, lượng bụi bám trên lá quá nhiều có khả năng làm tấp lá và ảnh hưởng đến sự phát triển của cây trồng.

– Ô nhiễm môi trường đất với việc sử dụng quá nhiều phân bón hoá học gây tồn dư axit, làm chua đất, xuất hiện nhiều độc tố làm giảm năng suất, chất lượng cây trồng, một mắt xích quan trọng trong chuỗi thức ăn, do đó gián tiếp ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

Năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi giảm, sức khỏe dân cư bị ảnh hưởng gây những thiệt hại không nhỏ về kinh tế. Ngoài ra, ô nhiễm môi trường còn làm gia tăng các khoản chi phí khám, chữa bệnh, tổn thất kinh tế do mất ngày công lao động khi nghỉ ốm hoặc chăm sóc người thân, gây tâm lý bất ổn, khó tập trung cho công việc khiến hiệu quả lao động thấp,... Chi phí cho các hoạt động cải tạo môi trường ngày càng tăng cao.



Trình bày các hậu quả của ô nhiễm môi trường đối với đời sống và sản xuất của người dân.

IV

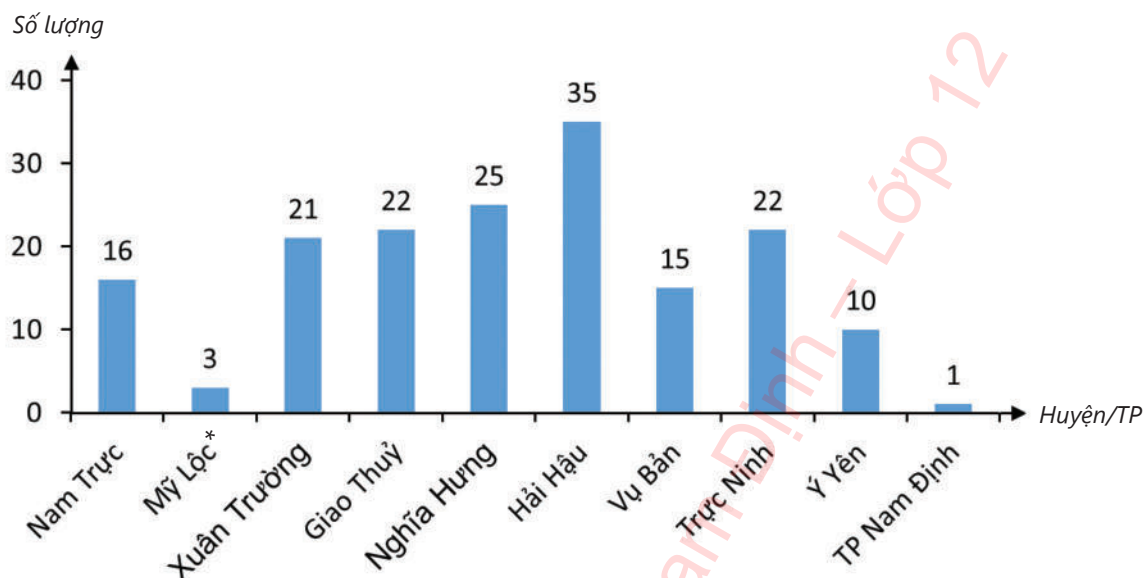
Giải pháp khắc phục ô nhiễm môi trường hướng tới phát triển bền vững

Bảo vệ môi trường là những hoạt động thiết thực của con người để cải thiện và giữ cho môi trường sống xung quanh luôn được sạch đẹp, trong lành. Đây là quá trình lâu dài và cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp khác nhau.

– Kiểm soát ô nhiễm với các hoạt động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý ô nhiễm môi trường,...

Công tác phân loại rác tại nguồn trên địa bàn tỉnh được đẩy mạnh và triển khai rộng khắp. Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đạt 94 % ở đô thị và 88,3 % ở các vùng nông thôn, trong đó khoảng 92,6 % tổng lượng rác thải y tế nguy hại đã được xử lý (2020).

Trên địa bàn tỉnh đã xây dựng nhiều công trình xử lý chất thải rắn và cấp phép hoạt động cho các đơn vị chuyên trách và hợp tác xã vệ sinh môi trường theo hình thức xã hội hoá.



Hình 1.2. Số lượng khu xử lý, điểm, bãi chôn lấp chất thải rắn tập trung trên địa bàn tỉnh Nam Định (năm 2020)



Dự án “Thí điểm quản lý rác thải đô thị theo dòng chảy từ sông ra biển nhằm giảm thiểu ô nhiễm rác thải nhựa ở tỉnh Nam Định, khu dự trữ sinh quyển sông Hồng” được triển khai trên địa bàn tỉnh từ năm 2018. Với công cụ thu gom rác nổi đặt ở vùng nước ven sông (gọi tắt là “bẫy rác”), đến nay dự án đã thu gom được trên 320 tấn rác thải nhựa, góp phần nâng cao hiệu quả thu gom, phân loại, xử lý rác thải rắn và rác thải nhựa tại các địa bàn thụ hưởng dự án.

Đối với những điểm ô nhiễm, cần tích cực thực hiện các biện pháp xử lý, cải tạo thích hợp như phát triển các cây thủy sinh làm sạch nguồn nước, trồng cây xanh bảo vệ đất, giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí,...

– Tăng cường quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường bằng cách thực hiện tốt các công cụ chính sách, kinh tế, kỹ thuật trong thống kê, đánh giá, kiểm soát ô nhiễm môi trường,...

Tại Nam Định, mạng lưới quan trắc môi trường ngày càng hoàn thiện với 191 điểm, tần suất quan trắc 6 lần/năm (2021). Các kết quả quan trắc góp phần hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về tài nguyên, môi trường, giúp bảo vệ môi trường và lựa chọn phương án phát triển các ngành kinh tế theo hướng bền vững.

Các cơ quan chuyên môn cần kịp thời tham mưu, thực hiện tốt các quy định quản lý nhà nước, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc khai thác khoáng sản, tài nguyên và bảo vệ môi trường,...

* Từ ngày 01/9/2024, huyện Mỹ Lộc sáp nhập với thành phố Nam Định.



"Bẫy rác" trên sông Đào



Trồng cây ven biển Giao Thủy

Hình 1.3. Một số hoạt động bảo vệ môi trường ở tỉnh Nam Định

– Tuyên truyền giáo dục bảo vệ môi trường trong cộng đồng dân cư nhằm thay đổi nhận thức, hành vi của người dân với các hoạt động như: mít tinh, hội thảo, sinh hoạt chuyên đề, hỗ trợ trang thiết bị, xây dựng mô hình cộng đồng bảo vệ môi trường: “Phụ nữ tự quản về vệ sinh môi trường”, “Ngày thứ Bảy tình nguyện”, “Chiến dịch Thanh niên tình nguyện vệ sinh môi trường”, ra quân làm vệ sinh môi trường, trồng và chăm sóc cây xanh,...

– Thực hiện một số biện pháp khác như: xử lý nước thải từ hoạt động sản xuất công nghiệp cho đến đạt yêu cầu trước khi xả thải ra môi trường; thay thế các thiết bị sản xuất cũ, công nghệ lạc hậu bằng công nghệ sản xuất hiện đại, ít gây ô nhiễm môi trường.



Kể tên các giải pháp khắc phục ô nhiễm môi trường ở tỉnh Nam Định. Em và các bạn có thể làm gì để bảo vệ môi trường ở địa phương?

IV

Thực hành thiết kế một sản phẩm tuyên truyền bảo vệ môi trường ở tỉnh Nam Định

1. Nội dung thực hành

Em hãy cùng các bạn trong nhóm tìm hiểu và hoàn thiện một sản phẩm (poster, video clip, bộ sưu tập ảnh,...) để tuyên truyền bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Nam Định.

2. Chuẩn bị

– Thu thập tài liệu trên sách, báo và internet,... về ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Nam Định.

– Một số đồ dùng cần thiết; bút màu, giấy vẽ, thiết bị ghi âm, ghi hình (nếu có),...

3. Gợi ý một số trang web tìm kiếm thông tin

Tìm kiếm thông tin từ các website:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường: <http://www.monre.gov.vn>.
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định: <http://www.sotnmt.namdinh.gov.vn>
- Báo Nam Định (điện tử) (<https://baonamdinh.vn/tim-kiem/o-nhiem-moi-truong>)
- Các trang tìm kiếm thông tin khác.



LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

Hoàn thành bảng tóm tắt nguyên nhân, hậu quả, giải pháp khắc phục ô nhiễm môi trường ở tỉnh Nam Định theo mẫu sau:

Nội dung	Ô nhiễm môi trường nước	Ô nhiễm môi trường không khí
Nguyên nhân	?	?
Hậu quả	?	?
Giải pháp	?	?

VẬN DỤNG

Ở nơi em cư trú cần giải quyết những vấn đề môi trường nào? Hãy cùng các bạn trong nhóm tìm hiểu và chia sẻ với cả lớp về hành động bảo vệ môi trường của các em trong thời gian qua.

BÀI 2

PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở TỈNH NAM ĐỊNH



Nam Định là tỉnh có đường bờ biển dài nên chịu ảnh hưởng lớn của thiên tai và biến đổi khí hậu.



Loại thiên tai nào thường xảy ra trên địa bàn tỉnh Nam Định? Thiên tai và biến đổi khí hậu ảnh hưởng như thế nào đến đời sống, sản xuất của người dân địa phương?

I Thiên tai

1. Các loại thiên tai ở Nam Định

Thiên tai xảy ra ở tỉnh Nam Định có nhiều loại, trong đó thường xuyên nhất là bão, lũ, lụt, mưa lớn, rét hại,... Thiên tai gây nhiều thiệt hại về kinh tế, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và đời sống dân sinh.

Bảng 2.1. Thống kê một số loại thiên tai phổ biến ở tỉnh Nam Định giai đoạn 2015 – 2020

Tiêu chí \ Năm	Năm					
	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Bão (lớn/năm)	2	3	2	1	3	3
Lũ, lụt, mưa lớn (đợt/năm)	2	0	5	0	0	1
Rét hại (đợt/năm)	0	1	0	0	2	0

(Nguồn: Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Nam Định giai đoạn 2016 – 2020; Quy hoạch tỉnh Nam Định thời kì 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050)

– Bão ở Nam Định thường xảy ra từ tháng 6 đến tháng 10 với tốc độ gió xoáy mạnh nhất trên cấp 6, kèm theo gió mạnh là mưa lớn, sóng cao, nước biển dâng và một số hiện tượng nguy hiểm khác. Tùy theo cường độ, bão có mức độ ảnh hưởng, tàn phá khác nhau.

– Lũ, lụt, mưa lớn là loại thiên tai xảy ra ở nhiều vùng. Ở Nam Định, mưa to liên tiếp, thường là do ảnh hưởng của các cơn bão, kết hợp triều cường đã gây ngập úng trên diện rộng, ảnh hưởng đến dân sinh, đến lưu thông, sản xuất nông nghiệp và các công trình thủy lợi. Trên địa bàn tỉnh Nam Định trong những năm gần đây lũ lụt có dấu hiệu bất thường và không theo quy luật.

– Rét hại là hiện tượng không khí lạnh kéo dài làm cho nhiệt độ trung bình xuống thấp, dưới 13 °C (rét hại) ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát triển của cây trồng, gia súc và sức khỏe của con người. Số đợt rét đậm, rét hại trong những năm gần đây giảm so với thời kì trước.

2. Hậu quả của thiên tai

Thiên tai thường làm thay đổi thành phần và chất lượng môi trường tự nhiên. Trên địa bàn tỉnh Nam Định, đến nay đã có hơn 1 triệu m³ đất, đá bị sạt lở, xói mòn và rửa trôi, 8 765 ha đất nông nghiệp bị nhiễm mặn. Trong thiên tai, các quy luật vận động của nhiệt độ, gió,..., có thể làm suy giảm chất lượng môi trường không khí. Sau thiên tai, một lượng lớn xác gia súc, gia cầm, rác sinh hoạt,... bị ứ đọng hoặc phát tán gây ô nhiễm môi trường nước, tiềm ẩn nguy cơ bùng phát dịch bệnh,...

Thiên tai còn gây thiệt hại nặng nề về người, về kinh tế và xáo trộn đời sống xã hội.



Hình 2.1. Phòng chống lụt bão tại xã Mỹ Tân, thành phố Nam Định năm 2024

Bảng 2.2. Thiệt hại do thiên tai ở tỉnh Nam Định qua các năm

Thiệt hại \ Năm	Năm		
	2015	2017	2021
Về người (người) (Số người chết, mất tích)	2	3	0
Về nhà ở (nhà) (Nhà bị ngập nước, sạt lở, tốc mái, hư hại)	2 545	81	104
Về nông nghiệp (ha) (Diện tích lúa và hoa màu bị hư hại)	739	56 045	15 159
Tổng thiệt hại (tỉ đồng)	56,4	1 969,9	120,1

(Nguồn: Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Nam Định giai đoạn 2016 – 2020 và năm 2022)



Siêu bão thần tốc Sơn Tinh (2012) với sức gió mạnh cấp 11 – 12 gây thiệt hại ở Nam Định 1 535 tỉ đồng. Siêu bão Hải Yến (Haiyan) (2013) có sức gió “huỷ diệt” lên tới cấp 16 cán quét qua vùng biển các tỉnh Thanh Hoá, Nam Định, Thái Bình khiến 13 người chết, 81 người bị thương. “Quái bão” Mirinae (2016), trong khoảng 4 giờ quần thảo trên đất liền các tỉnh Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình và đồng bằng Bắc Bộ, đã làm 30 nhà đổ sập, 25 000 nhà tốc mái, quét đổ 17 000 cột điện.

3. Biện pháp phòng, chống thiên tai

Bảng 2.3. Các biện pháp phòng, chống thiên tai theo giai đoạn

Trước thiên tai	Trong thiên tai	Sau thiên tai
<ul style="list-style-type: none"> – Thường xuyên theo dõi thông tin về diễn biến của thiên tai. – Gia cố, bảo vệ tài sản, con người phù hợp với từng loại thiên tai. – Dự trữ đồ ăn, nước uống và các đồ dùng cần thiết trong vòng 7 ngày. – Xác định vị trí an toàn để trú ẩn và chủ động sơ tán khi cần thiết. – Giữ liên lạc và chấp hành sự chỉ đạo của các cơ quan chức năng. 	<ul style="list-style-type: none"> – Thường xuyên theo dõi thông tin về diễn biến của thiên tai. – Lưu trú ở nơi an toàn, sử dụng các vật dụng bảo hộ phù hợp khi phải di chuyển. – Giữ gìn sức khỏe. – Tham gia hỗ trợ cộng đồng trong điều kiện thích hợp. – Giữ liên lạc và chấp hành sự chỉ đạo của các cơ quan chức năng. 	<ul style="list-style-type: none"> – Kiểm tra an toàn các thiết bị trước khi sử dụng. – Dọn dẹp nhà ở và vệ sinh môi trường, tham gia phòng chống dịch. – Thống kê thiệt hại, báo cáo đầy đủ, chính xác, kịp thời với cơ quan chức năng.



Lựa chọn và trình bày đặc điểm, giải pháp phòng, chống một trong số các loại thiên tai thường xảy ra ở địa phương em.

II

Biến đổi khí hậu

Biến đổi khí hậu đã và đang diễn biến ngày càng phức tạp, nhanh hơn dự báo, tác động tiêu cực tới môi trường sinh thái, sự phát triển bền vững của Việt Nam nói chung và của tỉnh Nam Định nói riêng.

1. Biểu hiện của biến đổi khí hậu

Biểu hiện	Tại trạm Văn Lý (1958 – 2018)
	Nhiệt độ có xu hướng tăng từ 0,1 – 0,28 °C/thập kỉ.
	Lượng mưa năm tăng khoảng 33 %/thập kỉ.
	Nước biển dâng trung bình 2,74 mm/năm.
	Các hiện tượng thời tiết cực đoan: bão và áp thấp nhiệt đới tăng (trung bình 0,2 cơn/năm), nắng nóng tăng (trung bình 0,36 ngày/thập kỉ), số ngày rét đậm giảm (–0,95 ngày/thập kỉ), số ngày rét hại không rõ xu thế.

(Nguồn: Kịch bản biến đổi khí hậu phiên bản cập nhật năm 2020)

Sơ đồ 2. Các biểu hiện của biến đổi khí hậu ở Nam Định

2. Tác động của biến đổi khí hậu

Ở tỉnh Nam Định, biến đổi khí hậu đã tác động nhiều năm qua và ngày càng rõ nét hơn.

Biến đổi khí hậu và nước biển dâng gây xói lở bờ biển và gia tăng xâm nhập mặn. Ranh giới mặn 1 ‰ đã xâm nhập ngày càng sâu vào trong các sông Hồng, sông Ninh Cơ và sông Đáy. Trong giai đoạn 2015 – 2018, mặn lớn nhất đều tại cống Ngô Đồng trên triền sông Hồng, độ mặn khoảng 11 – 12 ‰ và cách biển 17 km. Năm 2019, mặn lớn nhất tại cống Quỹ Nhất trên triền sông Đáy, độ mặn lên tới 13 ‰ và cách biển 13 km.



Hình 2.2. Nhà thờ đồ Hải Lý, huyện Hải Hậu – chứng tích hậu quả của biến đổi khí hậu ở Nam Định

Biến đổi khí hậu làm thay đổi các đặc tính môi trường nước lợ tại vùng bãi bồi của Vườn quốc gia Xuân Thủy và khu vực bãi bồi ven biển huyện Nghĩa Hưng, thay đổi môi trường sống của nhiều loài động, thực vật; làm thay đổi cấu trúc và thành phần, trữ lượng thủy sản ven bờ; giảm sút số lượng các quần xã động, thực vật hiện hữu.

Biến đổi khí hậu còn có khả năng làm tăng tần suất, cường độ và tính cực đoan của các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như bão, tố, lốc, các thiên tai, dịch bệnh, làm giảm năng suất và sản lượng của cây trồng, vật nuôi. Diện tích đất bị khô hạn nhẹ và chua hoá do tác động của biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh đến nay là gần 59,3 nghìn ha, trong đó có hơn 55,6 nghìn ha đất nông nghiệp và 3 633 ha đất chưa sử dụng.

Nước biển dâng làm gia tăng diện tích đất bị thoái hoá (do ngập, lụt, hạn hán, ô nhiễm,...), thu hẹp không gian sinh sống và sản xuất của người dân. Trong nông nghiệp, nước biển dâng và xâm nhập mặn làm thoái hoá đất canh tác. Hàng năm có khoảng 38 nghìn ha đất canh tác ven biển bị nhiễm mặn, trong đó có đến hơn 12 nghìn ha nhiễm mặn nặng. Năng suất lúa ở những nơi này thường giảm 20 – 30% so với các nơi khác, trong khi các chi phí thủy lợi lại cao hơn. Hiệu quả kinh tế còn giảm do các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng, đầu tư cơ sở vật chất tăng, năng suất cây trồng, vật nuôi giảm, năng suất lao động giảm,...



Theo Kịch bản biến đổi khí hậu RCP8.5, Nam Định là tỉnh chịu ảnh hưởng. Đến cuối thế kỉ XXI, nếu nước biển dâng 100 cm, thì 43,67 % diện tích đất tự nhiên của tỉnh bị ngập dưới mực nước biển, trong đó tỉ lệ ngập trên 50 % là Nghĩa Hưng (68,85 %), Hải Hậu, Giao Thủy, Xuân Trường và Trực Ninh.
(Nguồn: Kịch bản biến đổi khí hậu phiên bản cập nhật năm 2020)

3. Giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu

Biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp và là thách thức lớn đối với sự phát triển kinh tế – xã hội ở tỉnh Nam Định. Vì vậy ứng phó với biến đổi khí hậu là nhiệm vụ được ưu tiên thực hiện với 2 nhóm giải pháp cơ bản là thích ứng (chung sống với biến đổi khí hậu) và giảm nhẹ (giảm nhẹ các nguyên nhân gây ra biến đổi khí hậu, đặc biệt là khí thải nhà kính).

Bảng 2.4. Các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở Nam Định

Thích ứng	<ul style="list-style-type: none">– Đầu tư nâng cấp đê kè biển, gia cố hệ thống đê cũng như các công trình phòng chống thiên tai,...– Xây dựng hệ thống công trình thủy lợi phục vụ sản xuất.– Hạn chế tác hại của các hiện tượng thời tiết cực đoan bằng cách trồng cây xanh.– Chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đai.– Sử dụng giống cây trồng, vật nuôi có sức đề kháng cao, thích nghi với điều kiện thay đổi của thời tiết.
Giảm nhẹ	<ul style="list-style-type: none">– Đổi mới công nghệ sản xuất, tích cực sử dụng các nguồn năng lượng sạch,...– Tăng cường xử lý chất thải ra môi trường,...– Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống quan trắc môi trường để kịp thời phát hiện, cảnh báo ô nhiễm môi trường,...



Trình bày biểu hiện và các tác động của biến đổi khí hậu đối với tự nhiên và sản xuất ở tỉnh Nam Định. Cho ví dụ về các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở địa phương?



LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

1. Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện tác động của biến đổi khí hậu và các giải pháp ứng phó ở tỉnh Nam Định hiện nay.
2. Em có thể làm gì để góp phần vào việc phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu ở địa phương?

VẬN DỤNG

Sưu tầm tư liệu, hình ảnh và chia sẻ với cả lớp về một trong số những thiên tai đã xảy ra trên địa bàn tỉnh Nam Định, trong đó nêu rõ:

- Loại thiên tai.
- Thời gian, địa điểm xảy ra thiên tai.
- Đặc điểm, hậu quả của thiên tai.

CHỦ ĐỀ

XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN MỚI Ở TỈNH NAM ĐỊNH

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Trình bày được khái quát mục tiêu về xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nam Định.
- Trình bày được khái quát quá trình xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nam Định.
- Nêu được kết quả của quá trình xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nam Định.
- Phân tích được số liệu, tư liệu; khai thác thông tin từ các nguồn khác nhau và đánh giá tác động vào quá trình xây dựng nông thôn mới đối với việc phát triển kinh tế – xã hội và môi trường ở tỉnh Nam Định.
- Tích cực tham gia vào quá trình xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nam Định.



Kết cấu hạ tầng nông thôn Giao Thủy đầu tư đồng bộ theo hướng văn minh, hiện đại

BÀI 1

QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở TỈNH NAM ĐỊNH



Là người dân, em mong đợi điều gì từ các mục tiêu xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nam Định nói chung và tại địa phương em đang sinh sống, học tập nói riêng?



Hình 1.1. Vùng quê nông thôn mới huyện Ý Yên

I Mục tiêu về xây dựng nông thôn mới tỉnh Nam Định

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) về xây dựng nông thôn mới là một chương trình tổng thể về phát triển kinh tế – xã hội, chính trị và an ninh quốc phòng. Với mục tiêu toàn diện: xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội nông thôn từng bước hiện đại; xây dựng cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý; gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xây dựng nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; bảo vệ môi trường sinh thái; giữ vững an ninh – trật tự; tăng cường hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu gắn với thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, quá trình đô thị hoá, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững; thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và nông thôn mới cấp thôn, bản. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, thúc đẩy bình đẳng giới. Xây dựng hạ tầng kinh tế – xã hội nông thôn đồng bộ và từng bước hiện đại, bảo đảm môi trường, cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hoá truyền thống, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

Mục tiêu tổng quát xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Nam Định:

“Xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu để đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn giàu có và thịnh vượng, tiệm cận với khu vực đô thị; kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội nông thôn đồng bộ, hiện đại và kết nối chặt chẽ với quá trình đô thị hoá; kinh tế

nông thôn phát triển mạnh mẽ, trình độ sản xuất tiên tiến, nông dân chuyên nghiệp, chú trọng sản xuất nông nghiệp sạch, công nghệ cao gắn với phát triển công nghiệp chế biến, thương mại, dịch vụ, du lịch và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; môi trường, cảnh quan, không gian nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp; xã hội nông thôn dân chủ, đoàn kết, văn minh, giàu bản sắc văn hoá truyền thống, thực sự là miền quê thanh bình; hệ thống chính trị ở nông thôn được tăng cường; quốc phòng và an ninh trật tự được giữ vững”.



Thông qua các phương tiện truyền thông và các thông tin có sẵn, em hãy đưa ra ví dụ về các mục tiêu chung của chương trình xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nam Định?

1.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

Bảng 1.1. Mục tiêu phấn đấu đến năm 2025

Mục tiêu phấn đấu đến năm 2025			
Xã/Huyện	Số xã, thị trấn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Số xã, thị trấn đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	Số huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao
Tỉ lệ đạt (%)	50	25	50
Tính đến ngày 30 tháng 8 năm 2023	Toàn tỉnh có 189 xã, thị trấn (chiếm 92,65%) tổng số xã, thị trấn được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.	Toàn tỉnh có 18 xã (chiếm 9,57% tổng số xã) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Ngoài ra, có 06 xã đang tích cực hoàn thiện hồ sơ, tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu để đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.	Các huyện đang tập trung thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao, chỉ đạo các xã hoàn thiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025 và các thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh.

Đề án xây dựng thí điểm mô hình huyện Hải Hậu đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu “Sáng, xanh, sạch, đẹp để phát triển bền vững” giai đoạn 2019 – 2025 gồm 03 nhóm tiêu chí với 14 chỉ tiêu. Đến nay, đạt 08/14 chỉ tiêu, còn 06 chỉ tiêu chưa đạt.

(Nguồn: Báo cáo sơ kết 02 năm thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 18/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu giai đoạn 2021 – 2025)



- Em hãy cho biết địa phương em đang sinh sống đã chuẩn nông thôn mới chưa và nếu đã đạt thì đạt ở mức nào?
- Hãy liệt kê lợi ích mà các mục tiêu của chương trình xây dựng nông thôn mới mang lại?

2. Khái quát quá trình xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nam Định

Tỉnh Nam Định nằm ở trung tâm vùng Nam đồng bằng sông Hồng. Trước khi sắp xếp lại đơn vị hành chính, tỉnh Nam Định có 10 huyện, thành phố và 226 xã, phường, thị trấn. Theo Kế hoạch số 112/KH-UBND, ngày 15/8/2023 về “Thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tỉnh Nam Định giai đoạn 2023 - 2025” và Phương án số 21/PA-UBND ngày 20/10/2023 về “Phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tỉnh Nam Định giai đoạn 2023 - 2025” thì tỉnh Nam Định còn 9 đơn vị hành chính cấp huyện, 175 đơn vị hành chính cấp xã.

Bảng 1.2. Khái quát quá trình xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nam Định

Giai đoạn	Nội dung
2010 – 2015	– Ban hành cơ chế hỗ trợ kinh phí từ ngân sách tỉnh cho các xã xây dựng nông thôn mới, theo đó ban hành các quy định về huy động, quản lý vốn, quản lý đầu tư xây dựng nông thôn mới, cơ chế hỗ trợ xây dựng bãi chôn lấp, xử lý rác thải, xây dựng nâng cấp chợ, trạm y tế, hỗ trợ cơ giới hoá trong sản xuất nông nghiệp, ...
2016 – 2020	– Tiếp tục ban hành các cơ chế hỗ trợ kinh phí từ ngân sách tỉnh cho các xã xây dựng nông thôn mới với mức như giai đoạn trước, đồng thời quy định mức thưởng đối với các xã, các huyện sớm về đích nông thôn mới; quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình làm nông, lâm, ngư, diêm nghiệp có mức sống trung bình,...
2020 – 2025	– Bảo vệ môi trường, cấp nước sạch, an toàn thực phẩm là lĩnh vực trọng tâm ưu tiên trong triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 theo định hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân thông minh, nhằm nâng cao chất lượng đời sống của người dân nông thôn. – Bảo vệ môi trường, cấp nước sạch nông thôn và đảm bảo an toàn thực phẩm là trách nhiệm chung của toàn xã hội; tập trung nguồn lực lớn, có trọng điểm của nhà nước và đẩy mạnh huy động nguồn lực của xã hội cho công tác bảo vệ môi trường, cấp nước sạch nông thôn và đảm bảo an toàn thực phẩm. – Chất thải phát sinh phải được quản lý theo hướng coi là tài nguyên, khuyến khích quản lý tổng hợp chất thải theo toàn bộ vòng đời chất thải từ khi phát sinh đến khi xử lý cuối cùng theo hướng kinh tế tuần hoàn, khép kín, phù hợp với đặc điểm tự nhiên, kinh tế – xã hội của từng địa phương.

(Nguồn: Báo cáo số 63/BC-UBND ngày 09/06/2016 tổng kết 5 năm thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2015; phương hướng nhiệm vụ giai đoạn 2016 – 2020; Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020; Báo cáo sơ kết 02 năm thực hiện Nghị quyết 06-NQ/TU, ngày 18/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu giai đoạn 2021 – 2025)

Bảng 1.3. Mục tiêu nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu đến năm 2025

STT	Nội dung chỉ tiêu	Mục tiêu	Lộ trình từng năm (số xã, huyện)			Ghi chú
			Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
1	Số xã, thị trấn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	> 50%	4	7	6	
2	Số xã, thị trấn đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	> 25%	20	15	5	Các thị trấn xây dựng đô thị văn minh
3	Số huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	> 50%	2	2	2	
4	Huyện nông thôn mới kiểu mẫu	Huyện Hải Hậu	–	–	2	

(Nguồn: Báo cáo sơ kết 02 năm thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 18/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu giai đoạn 2021 – 2025)



LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

1. Trình bày khái quát các mục tiêu và tiêu chí về xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nam Định?
2. Nêu khái quát quá trình xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nam Định?
3. Viết một bài báo cáo về quá trình xây dựng nông thôn mới ở địa phương em sinh sống.

BÀI 2

NHỮNG THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC TỪ QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở TỈNH NAM ĐỊNH



Quá trình xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nam Định đạt được kết quả như thế nào? Liên hệ địa phương em sinh sống.



Hình 2.1. Giáo xứ Xuân Dục, xã Xuân Ninh, huyện Xuân Trường ngày càng đổi mới

I Một số kết quả cụ thể xây dựng nông thôn mới tỉnh Nam Định

1. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội

Sau hơn 02 năm thực hiện Nghị quyết 06-NQ/TU của Tỉnh uỷ Nam Định đã đạt được nhiều kết quả rất quan trọng, tác động trực tiếp, toàn diện tới khu vực nông thôn; đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn không ngừng được nâng lên, diện mạo nông thôn ngày một khang trang, sạch đẹp, tiệm cận với đô thị. Tỉnh Nam Định được Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình MTQG đánh giá là một trong những tỉnh thực hiện tốt Chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu; kết quả nổi bật trên một số lĩnh vực sau:

1.1. Hạ tầng giao thông

Từ năm 2021 đến năm 2022, UBND tỉnh đã bổ sung quy hoạch nhiều tuyến đường giao thông quan trọng; hạ tầng giao thông tiếp tục được quan tâm đầu tư, cải tạo, nâng cấp đảm bảo đồng bộ, kết nối thông suốt từ đường làng xóm, trục xóm, liên xóm, trục xã, liên xã đến các tuyến huyện lộ, tỉnh lộ, quốc lộ.



Hình 2.2. Một tuyến phố tại xã Giao Phong, huyện Giao Thủy – xã được Trung ương chọn thí điểm xây dựng mô hình xã nông thôn mới thông minh



Hình 2.3. Đường hoa xã Hải Quang, huyện Hải Hậu

1.2. Hạ tầng thủy lợi

Hệ thống công trình thủy lợi từ cấp tỉnh đến cấp xã tiếp tục được đầu tư cải tạo, nâng cấp; đến nay, cơ bản đáp ứng tốt yêu cầu sản xuất nông nghiệp và đời sống dân sinh, nâng cao năng lực phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; trong điều kiện bình thường chủ động tưới tiêu cho 100% diện tích canh tác.

1.3. Hạ tầng lưới điện nông thôn

Hệ thống điện trên địa bàn tỉnh tiếp tục 6 Thị trấn Xuân Trường, huyện Xuân Trường; thị trấn Liễu Đề, huyện Nghĩa Hưng; thị trấn Ngô Đồng, huyện Giao Thủy; thị trấn Gôi, huyện Vụ Bản; thị trấn Yên Định, thị trấn Cồn, huyện Hải Hậu. 7 tuyến đường bộ mới Nam Định – Lạc Quan – Đường bộ ven biển (dài 28,7 km); các tuyến nhánh kết nối Trực Tuấn – Yên Định (dài 9,5 km, quy mô cấp I đồng bằng); Lạc Quan – Ngô Đồng (dài 10,1 km, quy mô cấp II đồng bằng); tuyến đường gom hai bên đường cao tốc Bắc – Nam phía Đông kết nối liên vùng tỉnh Nam Định đến Hà Nam; tuyến đường bộ mới thành phố Nam Định – Đường trục phát triển kinh tế biển Nam Định và tuyến nhánh; 8 số lượng cống đập điều tiết phục vụ tưới tiêu, sản xuất đã được đầu tư xây dựng mới và nâng cấp là 1 530 công trình; chiều dài kênh mương được kiên cố hoá khoảng 1 095 km, trong đó: Kênh mương lớn khoảng 19 km, kênh mương vừa khoảng 345 km, kênh mương nhỏ khoảng 731 km được cải tạo và nâng cấp theo hướng an toàn, ổn định và đảm bảo mỹ quan. Năm 2022, Công ty Điện lực Nam Định đã đưa vào vận hành 44 mạch vòng trung áp. Đến nay, hệ thống điện trên địa bàn tỉnh đồng bộ, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, tỉ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên đạt 100%.

1.4. Cơ sở vật chất trường học

Hệ thống trường học các cấp tiếp tục được tăng cường cơ sở vật chất và xây dựng trường chuẩn quốc gia, trường chuẩn xanh, sạch, đẹp, an toàn, duy trì kết quả phổ cập giáo dục. Tính đến tháng 5/2023, toàn tỉnh có 668 trường mầm non, phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia; 587 trường đạt chuẩn xanh, sạch, đẹp, an toàn; 553 trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

1.5. Cơ sở vật chất văn hoá, thông tin

Các địa phương tiếp tục quan tâm đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp nhà văn hoá xã và khu thể thao xã, nhà văn hoá và khu thể thao thôn/xóm theo tiêu chí nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu, bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hoá. Có 204 điểm Bưu điện văn hoá xã, Đài truyền thanh xã và hệ thống loa đến các thôn/xóm được cải tạo nâng cấp. Chất lượng các dịch vụ viễn thông và Internet tiếp tục được nâng cao, hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh được triển khai hiệu quả đến cấp xã đảm bảo chất lượng. Công nghệ thông tin được ứng dụng hiệu quả trong công tác quản lý điều hành. Đến nay, 10/10 huyện, thành phố và 204/204 xã, thị trấn đã sử dụng phần mềm quản lý văn bản trong điều hành, giải quyết công việc.

1.6. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

Có 172 chợ nông thôn trên địa bàn tỉnh ngày càng hoàn thiện về cơ sở vật chất, đảm bảo an toàn giao thông, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, an toàn phòng, chống cháy nổ, từng bước tiệm cận với văn minh thương mại,... đáp ứng tốt nhu cầu mua, bán hàng hoá của Nhân dân. Hệ thống các siêu thị và các cửa hàng tiện ích cũng phát triển mạnh mẽ, góp phần thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn nông thôn.

1.7. Hạ tầng y tế cấp xã

Các trạm y tế cấp xã thường xuyên được cải tạo, nâng cấp, xây mới 166 trạm y tế xã và bổ sung các thiết bị, dụng cụ y tế cho các trạm.

1.8. Hạ tầng nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

– Đã hoàn thành xây dựng mới 01 công trình cấp nước tại huyện Xuân Trường, 01 dự án nâng cấp mở rộng nối mạng cấp nước cho 06 xã của huyện Ý Yên và 05 dự án công trình cấp nước đang tiếp tục triển khai thực hiện. Tổng số công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn toàn tỉnh là 52 công trình. Các huyện tiếp tục chỉ đạo cải tạo, nâng cấp các khu xử lý rác thải tập trung của các xã/thị trấn thành các khu xử lý rác thải thân thiện với môi trường đảm bảo nước thải, khí thải đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường.

Bảng 2.1. So sánh lợi ích khi sử dụng nước máy và các nguồn nước khác

	Nước máy	Các nguồn nước khác (giếng khoan, giếng đào, nước mưa...)
Chất lượng	<ul style="list-style-type: none"> – Được kiểm soát chất lượng bởi nhà máy nước và cơ quan chức năng có thẩm quyền. – Được khử trùng đảm bảo diệt vi khuẩn, vi trùng trong nước. 	<ul style="list-style-type: none"> – Khó kiểm soát, có nguy cơ nhiễm kim loại nặng, vi sinh vật (như <i>E. coli</i>, <i>coliform</i>,...). – Không được khử trùng vì vậy tồn tại vi khuẩn.
Lưu lượng	Ổn định, có đều quanh năm và được cấp hàng ngày.	Không ổn định, biến động theo mùa, khai thác quá mức nước giếng làm giảm mực nước ngầm.
Sử dụng	Mở vòi là có, thuận tiện.	Phải qua bể lọc, bể chứa và cần có máy bơm cho mỗi hộ gia đình.
Tiết kiệm chi phí	Chi phí vận hành và bảo dưỡng đã bao gồm trong giá nước (giá nước được nhà nước quản lý, đảm bảo quyền lợi của người dân và đơn vị cung cấp).	Tốn chi phí đầu tư và bảo dưỡng (máy bơm, rửa, lọc,...).



Hãy nêu một số giải pháp để bảo vệ môi trường hiện nay, liên hệ với tình hình địa phương em đang sinh sống?

– Huy động các nguồn lực xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu: Tổng vốn huy động thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới từ tháng 7/2021 đến tháng 6/2023 trên địa bàn tỉnh trên 18 000 tỉ đồng.

(Nguồn báo cáo sơ kết 02 năm thực hiện Nghị quyết số 06- NQ/TU, ngày 18/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu giai đoạn 2021 – 2025)

2. **Đẩy mạnh phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập của người dân theo hướng bền vững**

– Cơ cấu kinh tế nông thôn chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỉ trọng công nghiệp, dịch vụ, giảm tỉ trọng nông nghiệp.

– Việc triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề nông thôn những năm qua đã góp phần quan trọng nâng cao thu nhập cho người dân ở nông thôn.

– Thu nhập thực tế bình quân đầu người khu vực nông thôn năm 2022 đạt khoảng 65 triệu đồng/người/năm.

2.1. **Sản xuất nông nghiệp**

– Nông nghiệp phát triển ổn định, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông lâm thủy sản giai đoạn 2021 – 2022 đạt bình quân 3,5% năm; năm 2022 giá trị sản phẩm bình quân trên 1 ha đất sản xuất nông nghiệp là 134,7 triệu đồng và đất nuôi trồng thủy sản đạt 412,5 triệu đồng.

– Cơ cấu ngành nông nghiệp chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng chăn nuôi, thủy sản, giảm tỉ trọng trồng trọt, từ coi trọng sản lượng sang chất lượng, từ chủ yếu phục vụ tiêu dùng sang kết hợp giữa tiêu dùng với sản xuất hàng hoá gắn với quản lý chất lượng nông sản theo chuỗi, có truy xuất nguồn gốc đảm bảo an toàn thực phẩm.

Bảng 2.2. Cơ cấu ngành nông nghiệp

Trồng trọt	Chăn nuôi	Thủy sản
Đã xây dựng được 458 mô hình cánh đồng lớn với tổng diện tích 21 844 ha, trong đó có 3 121 ha được bao tiêu sản phẩm.	Giảm mạnh chăn nuôi nhỏ lẻ. Phát triển nhanh chăn nuôi hàng hoá theo mô hình doanh nghiệp, trang trại, gia trại; sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng năm 2022 đạt trên 149 nghìn tấn; toàn tỉnh có 39 cơ sở chăn nuôi được cấp giấy chứng nhận thực hành chăn nuôi tốt VietGAP.	Đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 7 – 8%/năm, cơ cấu chuyển mạnh theo hướng tăng tỉ trọng nuôi trồng, giảm tỉ trọng khai thác, sản lượng thủy sản năm 2022 đạt 187 300 tấn; tích cực triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU). Tổng số tàu cá của tỉnh đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình là 502/540 tàu, đạt 92,96% tổng số tàu thuộc diện phải lắp đặt giám sát hành trình.

(Nguồn: Báo cáo sơ kết 02 năm thực hiện Nghị quyết số 06- NQ/TU, ngày 18/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu giai đoạn 2021 – 2025)

Việc đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp được quan tâm, thực hiện theo hướng tổ chức lại các HTX hiện có và khuyến khích hộ thành viên thành lập mới các HTX theo Luật HTX năm 2012. Kinh tế tập thể và HTX nông nghiệp trong tỉnh có bước phát triển rõ rệt. Đến nay, toàn tỉnh có 385 HTX, tăng 20 HTX so với năm 2021; có 310 HTX hoạt động hiệu quả; có 64 mô hình HTX nông nghiệp liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho các hộ nông dân, tăng 05 mô hình so với năm 2021.

Công nghiệp chế biến nông sản có bước phát triển mới, nhiều doanh nghiệp đầu tư công nghệ sản xuất, chế biến hiện đại, góp phần nâng cao giá trị gia tăng cho các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh.

Thị trường tiêu thụ nông sản những năm qua được đặc biệt quan tâm, thị trường nông sản của tỉnh từng bước được phân khúc, đã hình thành trên 36 cơ sở kinh doanh nông sản an toàn có truy xuất nguồn gốc để phục vụ nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng. Một số sản phẩm nông nghiệp của tỉnh đã xuất khẩu trực tiếp vào thị trường Châu Âu, Nhật Bản. Việc phát triển công nghiệp chế biến và thị trường nông sản đã góp phần tạo động lực cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hoá.



Hình 2.4. Nông dân xã Xuân Kiên, huyện Xuân Trường thu hoạch lúa

2.2. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn

Thực hiện đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, xúc tiến và thu hút đầu tư giai đoạn 2021 – 2025 đã tập trung thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, tạo mặt bằng thu hút nhà đầu tư thứ cấp trên địa bàn các huyện, thành phố như: Khu công nghiệp Dệt may Rạng Đông, Khu công nghiệp Mỹ Thuận; Cụm công nghiệp Yên Bằng, Cụm công nghiệp Thanh Côi,... Tập trung các giải pháp phát triển nghề, làng nghề tiểu thủ công nghiệp và doanh nghiệp nông thôn gắn với phát triển công nghiệp chế biến nông sản, mở rộng các vùng nguyên liệu, xây dựng các chuỗi liên kết trong sản xuất nông nghiệp.

Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trong nông nghiệp, nông thôn được đặc biệt coi trọng, thông qua các hoạt động thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp kết hợp với đa dạng hoá các hình thức đào tạo nghề, tỉ lệ lao động đã qua đào tạo tại nông thôn năm 2022 đạt 71,6%. Phát triển công nghiệp, dịch vụ nông thôn đã trở thành giải pháp quan trọng tạo việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn, nâng cao thu nhập và làm thay đổi cơ cấu thu nhập của hộ dân nông thôn. Trong đó, thành lập mới 25 HTX và giải thể, chuyển đổi sang hình thức khác 05 HTX yếu kém ngừng hoạt động.

2.3. Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) được tập trung triển khai gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu

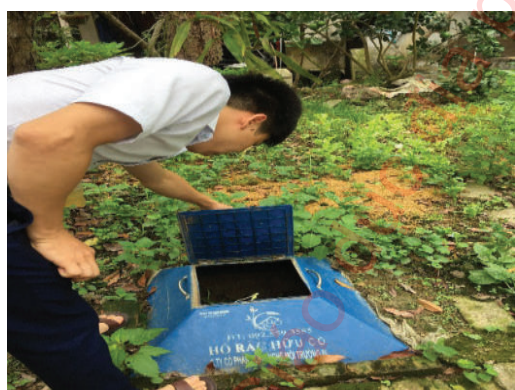
Chương trình OCOP tiếp tục được các sở, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh tích cực triển khai thực hiện. Đến 31/12/2023, toàn tỉnh có 431 sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên; hoàn thiện hồ sơ 02 sản phẩm, đề nghị Trung ương đánh giá, phân hạng sản phẩm 5 sao.

3. Bảo vệ môi trường, cải tạo cảnh quan nông thôn

Môi trường nông thôn ngày càng được cải thiện theo hướng “sáng, xanh, sạch, đẹp”. Cuộc vận động “Xây dựng môi trường nông thôn xanh, sạch, đẹp” và phong trào “Nhà sạch, vườn xanh, đường, sông không rác” được các cấp, các ngành và nhân dân tiếp tục tích cực hưởng ứng, tham gia.

Tập trung hướng dẫn, vận động người dân đẩy mạnh công tác phân loại rác thải sinh hoạt và xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình. Đến nay, đã có 195/204 xã, thị trấn triển khai phân loại rác thải tại nguồn. Công tác phân loại rác thải tại nguồn và xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình giúp giảm thiểu được 30 – 50% tổng lượng rác đưa về khu xử lý rác thải tập trung, giảm áp lực cho các bãi chôn lấp, nâng cao hiệu quả tại các lò đốt rác thải sinh hoạt. Năm 2022, tỉ lệ chất thải rắn ở nông thôn được thu gom đạt 89,5%.

Các địa phương tiếp tục phát động và tổ chức thực hiện tốt phong trào trồng cây bóng mát và trồng hoa bên lề đường trục xã, thôn, xóm. Đến nay, toàn tỉnh đã trồng được 2 605 tuyến đường hoa với tổng chiều dài 2 775 km.



Hình 2.5. Xử lý rác thải bằng hố ủ hữu cơ tại hộ gia đình (xã Thọ Nghiệp, huyện Xuân Trường)



Hình 2.6. Xử lý rác thải sinh hoạt tại Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp và nguy hại ETC (Khu công nghiệp Hoà Xá, thành phố Nam Định)

4. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hoá – xã hội

Lĩnh vực văn hoá: Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”, các phong trào văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao quần chúng gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu được quan tâm, khơi dậy tinh thần

đoàn kết giúp nhau phát triển kinh tế, giảm nghèo, chung sức xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu, nhiều hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao ở cơ sở được phục hồi và phát triển mạnh, nhất là hoạt động của các Câu lạc bộ dân vũ.

Phát triển giáo dục và đào tạo: Giáo dục và đào tạo được chú trọng phát triển toàn diện cả quy mô và chất lượng đào tạo. Cơ sở vật chất trường học của các cấp học tiếp tục được quan tâm đầu tư, hoàn thiện; chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và chất lượng chăm sóc, giáo dục toàn diện ở các cấp học tiếp tục được nâng cao; có 06/09 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu nổi trội về lĩnh vực giáo dục. Công tác xã hội hoá giáo dục được đẩy mạnh; phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập phát triển rộng khắp và đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ.

Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn: Các trạm y tế xã, thị trấn được đầu tư nâng cấp, bổ sung trang thiết bị khám chữa bệnh, nhiều trạm đạt yêu cầu xanh, sạch, đẹp; đội ngũ y, bác sĩ tiếp tục được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn. Cùng với việc thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh, ngành y tế đã làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe, khám, chữa bệnh cho Nhân dân, chủ động phòng, chống các dịch bệnh truyền nhiễm. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế năm 2022 đạt 93,5% dân số toàn tỉnh.

Giảm nghèo bền vững: Năm 2022, tỉ lệ hộ nghèo giảm còn 1,32%, tỉ lệ hộ cận nghèo giảm còn 3,45% theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 – 2025.



Hình 2.7. Thi bơi chài trong hội VH TT Hải Hậu (2022)

5. Củng cố, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh từ cơ sở

Hệ thống chính trị các cấp tiếp tục được củng cố, kiện toàn và hoạt động ngày càng chất lượng, hiệu quả. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn hoá đội ngũ cán bộ đạt chuẩn theo quy định. Chất lượng phục vụ hành chính công được nâng lên; việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào công tác chỉ đạo, điều hành, trao đổi và xử lý công việc, trong quản lý, điều hành hoạt động cải cách hành chính, công tác quản lý cán bộ, công tác văn thư, lưu trữ... được đẩy mạnh. Thường xuyên cập nhật, xử lý và phản hồi các thông tin, công khai các văn bản, báo cáo, lịch công tác trên trang thông tin điện tử của huyện và các xã, thị trấn.

Thực hiện đúng quy trình giải quyết hồ sơ cho người dân, doanh nghiệp, không để quá hạn. Nâng cao chất lượng dịch vụ công mức độ 3, 4 gắn với việc số hoá thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian và thuận tiện cho người dân. Nam Định được Trung ương đánh giá là một trong hai tỉnh đứng đầu cả nước về thực hiện hiệu quả Dự án cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Dự án sản xuất, cấp, quản lý căn cước công dân.

6. Đảm bảo an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội

Phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” được triển khai sâu rộng đạt kết quả tích cực, đã xây dựng và nhân rộng 64 mô hình phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”; 114/204 xã, thị trấn xây dựng mô hình “Camera an ninh” tại các vị trí trọng điểm về an ninh trật tự.

An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo; hoàn thành và phát huy hiệu quả việc bố trí công an chính quy đảm nhiệm các chức danh công an xã, thị trấn, qua đó nâng cao chất lượng lực lượng công an tại cơ sở, đảm bảo an ninh, trật tự ở nông thôn.

Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được quan tâm và chỉ đạo giải quyết ngay từ cơ sở, góp phần tạo môi trường ổn định để phát triển kinh tế – xã hội.

Bảng 2.3. Kết quả thực hiện chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới phân theo các huyện, thành phố đến tháng 5 năm 2024

TT	Huyện, TP	Tổng			Xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	Ghi chú
		Xã, thị trấn	Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao		
Tổng		204	197	7	34	16 thị trấn (trong đó, 02 thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh)
1	Giao Thủy	22	20	2	11	02 thị trấn (đạt chuẩn đô thị văn minh)
2	Xuân Trường	20	20		6	01 thị trấn
3	Trực Ninh	21	21		4	03 thị trấn
4	Mỹ Lộc	11	9	2	2	01 thị trấn
5	Hải Hậu	34	34		1	03 thị trấn
6	Nam Trực	20	19	1	3	01 thị trấn
7	Ý Yên	31	29	2	3	01 thị trấn
8	Vụ Bản	18	18		3	01 thị trấn
9	Nghĩa Hưng	24	24		1	03 thị trấn
10	Nam Định	3	3		0	

(Nguồn: Báo cáo sơ kết 02 năm thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 18/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu giai đoạn 2021 – 2025)



Dựa vào bảng số liệu trên em có nhận xét gì về kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nam Định trong thời gian qua?

II

Vai trò, trách nhiệm của học sinh trong công cuộc xây dựng nông thôn mới

Xây dựng nông thôn mới nhằm không ngừng nâng cao đời sống cho người dân khu vực nông thôn. Vì vậy, người dân và cộng đồng dân cư giữ vai trò là chủ thể, nòng cốt trong xây dựng nông thôn mới. Họ được biết, được bàn, được quyết định, tự làm, tự giám sát và được thụ hưởng. Đóng góp công sức, tiền của để chỉnh trang nơi ở của gia đình mình, đầu tư cho sản xuất, đóng góp xây dựng các công trình công cộng của thôn, xã. Do đó, người dân thể hiện vai trò và trách nhiệm của mình, trong đó có vai trò, trách nhiệm của học sinh:

- Thực hiện nếp sống văn hoá, ứng xử văn minh; đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá tinh thần lành mạnh, phong phú; có ý thức đấu tranh với những hoạt động văn hoá không lành mạnh; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc.

- Không tham gia các tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật, chấp hành tốt Luật Giao thông khi tham gia giao thông; tích cực tham gia phong trào "Toàn dân tham gia bảo vệ an ninh tổ quốc".

- Chỉnh trang nơi ở của gia đình và vận động người khác cùng tham gia để nhà ở sạch đẹp, có nhà tiêu hợp vệ sinh, sử dụng nước sạch, trong nhà có treo ảnh Bác Hồ; cải tạo cảnh quan sân, vườn sạch đẹp, làm cột cờ và hàng rào trước cửa nhà.

- Tích cực tham gia và vận động người khác không xả chất thải, nước thải trực tiếp ra môi trường và phải thu gom, xử lý theo quy định; bố trí chăn nuôi, nuôi trồng thuỷ sản (nếu có) đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Tích cực tham gia phong trào trồng cây, giữ gìn đường phố sạch – đẹp, tạo cảnh quan nông thôn xanh – sạch – đẹp.

- Tham gia và vận động người khác cùng tham gia xây dựng nông thôn mới và giám sát các hoạt động xây dựng nông thôn mới trên địa bàn mình đang sinh sống và học tập.



LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

1. Phân tích các tác động của quá trình xây dựng nông thôn mới đối với việc phát triển kinh tế – xã hội và môi trường ở tỉnh Nam Định?
2. Em hãy kể về những việc em đã làm góp phần trong công cuộc xây dựng nông thôn mới ở nơi em đang sinh sống nói riêng và ở tỉnh Nam Định nói chung?



DANH MỤC TỪ TRA CỨU

C

chuyển dịch cơ cấu kinh tế
cơ cấu kinh tế,
cơ cấu kinh tế theo ngành,
cơ cấu kinh tế theo thành phần
kinh tế,
cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ,
cụm công nghiệp,

D

danh nhân, 5, 6, 7, 8

Đ

Đoàn Văn Cừ, 79, 80, 82

K

Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo,
84, 85
khu công nghiệp,

L

làng nghề,
Lương Thế Vinh, 7, 23, 24, 52

M

Mai Chí Thọ, 7, 19, 20

N

Nguyễn Bình, 75, 76, 77, 78, 80
Nguyễn Hiền, 7, 21, 22

P

Phạm Văn Nghị, 50, 52, 53

S

Sóng Hồng, 72, 73

T

Trần Bích San, 59, 61
Trần Nhân Tông, 7, 9, 10, 14
Trần Quang Khải, 7, 17, 18, 20

Trần Quốc Tuấn, 7, 15, 16, 17, 20

Trần Tế Xương, 63, 67

Trần Tuấn Khải, 67, 68, 69

Tú Xương, 7, 21, 24, 25

tổng sản phẩm xã hội trên địa
bàn (GRDP),

trung tâm công nghiệp,

V

vùng ven biển,



NGUỒN ẢNH

Chủ đề. Danh nhân tỉnh Nam Định: Ảnh chủ đề: Copyright © <https://baochinhphu.vn/ky-niem-20-nam-cong-uoc-bao-ve-di-san-van-hoa-phi-vat-the-cua-unesco-102231129213613781.htm>; hình 1.1 Copyright © Hải Anh (<https://nguoindinh.net/tuong-dai-tong-bi-thu-truong-chinh/>); hình 1.2 Copyright © Phan Ngọc Huyền; hình 1.3 Copyright © Viết Dư (Nguồn: <https://nguoindinh.net/nam-dinh-dua-van-hoa-truyen-thong-vao-truong-hoc-nhan-van-trong-hoc-duong-2/>); hình 2.1 Copyright © <https://kenh14.vn/diem-danh-6-quoc-gia-ma-pho-viet-dang-co-mat-co-noi-gia-dat-gap-10-lan-tai-que-huong-20190929173013858.chn> hình 2.2 – hình 2.3 Copyright © Nguyễn Thu Hiền; hình 3.1 – hình 3.5, hình 4.1 – hình 4.5 Copyright © Nguyễn Thị Thu Thủy.

Chủ đề. Kinh tế Nam Định trong thời kì đổi mới: Trang chủ đề – trang 26 Copyright © Viết Dư; <https://baonamdinh.vn/channel/5093/202110/thanh-nam-tuoi-100-2547002/>

Chủ đề. Một số tác giả văn học trung đại Nam Định (Phần 2): tr.52: Lương Thế Vinh Copyright © baophapluat.vn; tr.56: Phạm Văn Nghị Copyright © thptphamvannghe.edu.vn; tr.59: Trần Bích San Copyright © baobinhdinh.vn; tr.63: Trần Tế Xương Copyright © thivien.net; tr.64: Lễ Xướng danh cử nhân khoa Đinh Dậu (1897) trường Nam Định Copyright © vi.wikipedia.org; tr.67: Trần Tuấn Khải Copyright © Thơ Văn Á Nam Trần Tuấn Khải, NXB Văn học, Hà Nội, 1984

Chủ đề. Một số tác giả văn học hiện đại Nam Định: tr.72: Trường Chinh Copyright © thivien.net; tr.75: Nguyễn Bình Copyright © vi.wikipedia.org; tr.77: Bùi Hạnh Cẩn Copyright © nongnghiep.vn/; tr.79: Đoàn Văn Cừ Copyright © taodan.vn

Chủ đề. Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trên quê hương Nam Định: Hình ảnh chủ đề Copyright © Thanh Lương; Hình 1.1 Copyright © Doãn Hiền; Hình 2.1 Copyright © Thanh Hải

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH NAM ĐỊNH
LỚP 12



8 935220 681642

Giá: 00.000đ